

10 năm sau khi Saigon th t th , trong cu n “No More Vietnams” xu t b n năm 1985, Tợng Thợng Richard Nixon t phán:

Trong cu c chi n đ u này Hoa K đã th t b i và ph n b i đợng minh (failure and betrayal). Chúng ta đã thợng trong chi n tranh, nhợng đã thua trong hòa bình (We won the war in Vietnam, but we lost the peace)”.



Đây là l i nói khôn ngoan nhợng không ph n nh s th t.

Đúng lý Nixon ph i nói: Chúng ta thợng v quân s , nhợng l i tháo ch y và đ u hàng l ch s . Chúng ta thua v chính tr , và đã gieo tai h a vô lợng cho các qu c gia đợng minh Đông Dợng Vi t-Miền-Lào, cũng nh m t s các qu c gia Á Phi và Nam M nh A-Phú-Hăn, Iran, Angola, Mozambique, Ethiopia, South Yemen, Nicaragua v...v.... Do đó Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973 ch đem l i hòa bình cớ a nhợng nờ m m (peace of the grave).

Hiệp Định Hòa Bình Paris giữa những người cầm đầu

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Ngày nay mọi người thấy rõ: Kissinger trực tiếp của chúng ta không phải là ai khác mà là Henry Kissinger, Cố Vấn An Ninh của Nixon.

Do những quy định riêng rẽ cũng như do những cuộc đàm phán, một số và nhiều người với Lê Đức Thọ, Kissinger đã đồng ý về việc ký kết Hiệp Định Hòa Bình Paris ngày 27-1-1973 với bất cứ giá nào. Điều này ông, Chiến Tranh Đông Nam Á đã thu được xong với sự tiếp tay của Bộ Kinh. Tất cả đây điều kiện của ông là Chiến Tranh Trung Đông đang cần tiếp viện quân sự và kinh tế. Sau 1975, giá trị của hàng năm cho Do Thái (với 4 triệu dân) khoảng 2 tỷ Mỹ kim ngang với số ngân hàng viện trợ cho Việt Nam trước 1973.

Cho tới tháng 1-1973, khi bắt đầu hiệp định, chúng ta xuyên tạc, đe dọa và hèn nhút Việt Nam Cộng Hòa, Kissinger đã thúc đẩy Nixon buộc Miền Nam phải ký Hiệp Định Hòa Bình Paris. Cho Hoa Kỳ có lý do rút quân đòi phóng thích tù binh sau khi đưa hàng trong danh sách. Còn việc quân đội Bộ Việt có quyền thoái lui Miền Nam hay không chỉ là vấn đề phụ thuộc. Với việc này, một mặt Kissinger tin vào những cuộc đàm phán và cam kết ngừng chiến của Thọ. Mặt khác còn có lợi cam kết của Nixon theo đó Hoa Kỳ sẽ trả đũa mạnh mẽ, nếu Bộ Việt vi phạm nghiêm trọng Hiệp Định, và sẽ sẵn sàng hãm hại các nhân vật trong chiến dịch Mùa Hè Đỏ Lửa 1972 tại Miền Nam, và những vụ oanh tạc Bộ Việt bằng B52 trong cuộc Tấn Kích Chiến Lớn 12 ngày đêm tại Hà Nội, Hải Phòng và vùng phía Bắc Mùa Giáng Sinh 1972.

Số việc đã không diễn ra như vậy. Ba tháng sau Hiệp Định Hòa Bình Paris với Watergate bùng nổ. Sau đó Quốc Hội Hoa Kỳ ban hành Luật ngày 30-6-1973 cấm các lực lượng quân sự Hoa Kỳ không được tham gia vào những cuộc chiến đưa vào vùng Việt-Miền-Lào. Và tháng 10-1973 Luật và Quy định Lực Chiến Tranh (War Powers Act) đã trói tay và Tội Tội Lành Quân Lực Hoa Kỳ và buộc Tổng Thống phải tham vấn Quốc Hội trước khi sẵn sàng đưa quân đội vào những vụ tranh chấp vũ trang. Điều kiện này chúng ta bao giờ lập pháp đưa ra trong thời chiến. Do đó, vì không có toàn quyền hành động và không có ngân hàng, với Tội Tội Lành Quân Đội không thể phân công kịp thời các bộ đội Bộ Việt xâm nhập quy mô vào Miền Nam, và cũng không thể đưa bằng cách tái oanh tạc Bộ Việt như trong mùa Giáng Sinh 1972. Như vậy, 10 tháng sau Hiệp Định Hòa Bình Paris, từ tháng 11-1973 quân xâm lược Bộ Việt được tiếp do xâm nhập Miền Nam với sự trợ giúp vũ khí đầy đủ của phe Quốc Cộng Sừng Trung Sừng (1.7 tỷ Mỹ kim năm 1974, gấp đôi thời điểm Hiệp Định Hòa Bình Paris).

Và từ sau việc tiến chiến lược Long tháng 1-1975, Liên Xô đã tặng 4 triệu viện trợ cho Bộ Việt. Và những lợi cam kết của Chu Ân Lai và Brezhnev hứa hẹn sẽ kích thích Hà Nội, chỉ là câu đũa bôi, hay đúng hơn một chiến thuật để đưa đi gót Hoa Kỳ.

Thêm một sự kiện đáng lưu ý: Một năm sau Hiệp định Paris, vào ngày 11-1-1974, khi Kissinger vừa rời Bắc Kinh, đột nhiên một lần nữa, Trung Quốc công bố chấp thuận các quân đội ở *Hoàng Sa và Trường Sa*

. Và một tuần sau, ngày 19-1-1974, họ đem quân xâm chiếm 6 đảo Hoàng Sa thuộc nhóm Lưỡi Liềm phía tây nam. Với một Quốc Tế Công Pháp, Hiệp định Geneva 1954 đã xác nhận chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa tại các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Theo Điều 4 Hiệp định, giới tuyến giữa hai miền Nam Bắc kéo dài từ Bắc đến "ra ngoài hải phận theo một đường thẳng góc với đường ven biển. Quân đội Bắc Việt phải rút khỏi tất cả các hải đảo thuộc phía Nam giới tuyến" (Việt Tuyến 17).

Quần đảo Hoàng Sa tọa lạc tại các Việt Tuyến 17-15 Bắc (Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi), và quần đảo Trường Sa ở phía Nam tọa lạc tại các Việt Tuyến 12-7 Bắc (tên Cam Ranh xưa kia Cà Mau). Do đó cả hai quần đảo này đã được Hiệp ước Quốc Tế nhìn nhận thuộc hải phận của Việt Nam Cộng Hòa mà các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Bắc Việt và Trung Quốc có nghĩa vụ phải tôn trọng.

Chiều Hiệp định Paris 1973, Hoa Kỳ là quốc gia chủ xướng, đã triệu tập Hội Nghị, đã ký Hiệp định, và đã cùng 10 quốc gia khác, kể cả Trung Quốc, đứng ra bảo lãnh sự thi hành nghiêm chỉnh hiệp định này. Như vậy Hoa Kỳ có nghĩa vụ tiên khởi phải bảo vệ quyền dân tộc tự quyết của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam chống mọi xâm lăng võ trang bất cứ từ đâu tới. Vậy mà, ngày 19-1-1974, dù có một phần vùng Biển Hoàng Sa, Đỉnh Thốt Hóm Đồi Hoa Kỳ đã án binh bất động, không yểm trợ, không can thiệp, không đi cứu giúp, và cũng không làm hành vi nhân đạo nào để cứu vớt các chiến sĩ Hội Quân Việt Nam mất nạn trên Hòn Tằm Hòn Nhọt Tò, do Trung Tá Nguyễn Văn Thà chủ huy, đã bị biển chìm. Có lẽ Hội Quân Hoa Kỳ nghĩ rằng họ không có trách nhiệm phải cứu vớt những người sắp chết đuối, kể cả vì lý do nhân đạo. Vì mãi tới tháng 11-1974 Liên Hiệp Quốc mới ban hành Công ước về việc Cứu Vớt các Nhân Nhân biển Đầm Tầu Trên Mặt Biển. Hơn nữa, từ tháng 6-1973, Quốc Hội Hoa Kỳ đã ban hành đạo luật cấm quân lực Hoa Kỳ không được tham gia hay yểm trợ bất cứ cuộc chiến đấu quân sự nào trên biển, trên không và trên biển tại bán đảo Đông Dương. Trong thời gian này, từ tháng 4-1973, báo chí phản chiến và phe đối lập đã tri thức khai thác vụ nghe lén Watergate, dẫn đến việc Nixon từ chức vào tháng 8-1974.

Năm 1974, theo 3 ngày tiến quân, từ vùng Phi Quân Sơn phía Bắc, Ai Lao và Cao Miên phía Tây, Bắc Việt kéo đến quân xâm nhập Miền Nam. Và tháng 1-1975 đã tiến chiếm nguyên một phần của Việt Nam Cộng Hòa là Phước Long. Cuộc tiến chiếm này nhằm trực tiếp nhằm phân chia Hoa Kỳ. Lúc này, Tổng thống đương thời Gerald Ford, chẳng ai còn nhớ những lời cam kết long trọng của Tổng thống dân cử Nixon trong hơn 30 văn thư gửi Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Trong những văn thư này, với Tổng thống Lính Quân Lực Hoa Kỳ hứa sẽ tái oanh tạc Bắc Việt, đứng thẳng phía công tác tại các lực lượng vũ trang Bắc Việt xâm nhập Miền Nam, bằng những vũ khí mạnh nhất như Không Đoàn B52.

Sau vấp Phẫn C Long, trong một phiên họp của Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản, Lê Duẩn đã giơ hai tay reo lên: “Nó bực rùi!”

Và 3 tháng sau, các chiến xa Liên Xô vượt qua hàng rào Dinh Độc Lập báo hiệu sự cáo chung của Việt Nam Cộng Hòa. Lúc này, bất chấp Hiệp Định Paris, Bộ C Việt đã kéo thêm 25 sư đoàn chính quy vào chiến trường Miền Nam để yểm trợ sự hơn 100 ngàn quân đã xâm nhập tới Chiến Dịch Mùa Hè Đông Lúa 1972. Thế đó Hiệp Định Hòa Bình Paris chỉ còn là tờ giấy lộn. Và những điếu u khoét cam kết hành sự quy định dân tộc tự quyết bằng đường lối hòa bình chỉ là những bánh vẽ do phe chiến chiến Lê Độc Thọ ban phát cho kẻ chiến bại Kissinger. Chiến lược nhân nhượng *Đường 15 Hiệp Định Hòa Bình Paris: “Việt chiến thắng nhất Việt Nam sẽ được chiến tranh hòa bình bằng cách ngưng pháp hòa bình trên cả sự thắng lợi và thua thiệt của Miền Bắc và Miền Nam Việt Nam, không bên nào chiến ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào. Thời gian thắng nhất sẽ do hai Miền Nam, Bộ C Việt Nam định thua thiệt (theo nguyên tắc nhất trí)”*

MỘT THỜI GIAN ĐỀ DÀI ĐỀ CÓ MỘT KHOẢNG CÁCH HỢP LÝ

Cuộc “Đi Thi Tháng Mùa Xuân 1975” khó có thể có nếu Hoa Kỳ không nhất định bại Miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc một đàm giữa Thủ Tướng Chu Ân Lai và Henry Kissinger đi Địch Sản Nhân Dân Bộ C Kinh nhân dịp Thủ Tướng Richard Nixon công du Trung Quốc và gặp Mao Trạch Đông ngày 21-2-1972, Kissinger nói thắng với Chu Ân Lai: “Chúng tôi không quan tâm đến việc hòa hay chiến (Cộng Sản Việt Nam), và ngay cả việc đánh bại nó”.

Mà đã thua thiệt trong Việt Trung Quốc để Cộng Sản Việt Nam chiếm Miền Nam sau khi rút quân một thời gian. Kissinger xác nhận với Chu Ân Lai rằng M có thể chấp nhận Cộng Sản Miền Bắc chiếm Miền Nam bằng vũ lực, nếu việc này xảy ra sau khi M rút quân khỏi đây một thời gian để dài để có một khoảng cách hợp lý (decent interval): “Nếu Bộ C Việt nghiêm túc đàm phán với Miền Nam, và nếu sau một thời gian để dài sau khi chúng tôi đã hoàn toàn không còn dính líu gì (với Miền Nam) nữa, theo suy đoán riêng, tôi tin rằng khó có thể chúng tôi quay trở lại và khó có khả năng việc xảy ra”. Kissinger nói rõ hơn: “Nếu chúng tôi có thể chung sự với Chính Phủ Cộng Sản tại Trung Quốc, thì chúng tôi cũng có khả năng chấp nhận một chính quyền Cộng Sản Đông Dương”. Kissinger trả lời nói thắng: “Hà Nội đã làm gì để nài chúng tôi không thắng, trong vòng 10 năm, thì tôi phải bang giao mới” (The White House, Memorandum of Conversation- Top secret / sensitive-Exclusive eyes only, p.p. 27-29: Cao Thọ Dung: Đảng Cộng Sản Việt Nam 2007).

7 tháng trước, trong hai ngày 9 và 10 tháng 7-1971, trong cuộc tiếp kiến Chu Ân Lai, Kissinger tiếp tục:

“Hoa Kỳ sẽ rút thoái toàn quân ra khỏi Việt Nam và sẽ không bao giờ trở lại nếu có nh ng đi u kho n v ng ng b n và trao trả tù binh trong Hiệp Định Paris. L p tr ng c a Hoa Kỳ là *khôn g nh t th t duy trì m t chính ph đ c b t nào* (nh Việt Nam Cộng Hòa) tại Miền Nam Việt Nam. Nếu có một giới pháp chính trị hợp lý phản ánh nh ng t ng quan l c l ng chính tr t i Miền Nam thì chúng tôi sẽ tôn trọng giới pháp đó. Nh ng chúng tôi cũng c n có *m t th i gian h p lý cho gi i pháp này* (decent interval solution). Hôm qua Thủ Tướng ng có đ c p đ n vi c B c Việt s n sàng hy sinh hàng triệu u ng i cho công cuộc này. Tôi xin tha v i Thủ Tướng ng r ng *B c Việt không c n ph i hy sinh thêm 1 triệu u ng i n a đâu...*” (Jeffrey Kimball: *The Vietnam War Files*, 2004).

M T ĐÀM VÀ M T C

Đ ch m đ t chi n tranh và tái l p hòa bình t i Việt Nam, ngày 27-1-1973, các bên tham gia Hiệp Ngh Paris đã ký m t th a c m nh danh là “Hiệp Định Ch m Đ t Chi n Tranh và Tái L p Hòa Bình i Việt Nam”. Đ b o đ m s thi hành nghiêm ch nh Hiệp Định này, ngoài 4 bên k t c là Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, Việt Nam Dân Ch Cộng Hòa và Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, còn có s tham d và b o lãnh c a t c ng Anh, Nga, Pháp, Hoa và c a 4 n c trong y Ban Qu c T K m Soát và Giám Sát là Ba Lan, Canada, Hung-Gia-L i và Nam Đ ng. Trong b n Đ nh c c a H i Ngh Qu c T v Việt Nam ngày 2-3-1973, ngoài các đ i di n c a 12 “n c” nói trên, còn có s hi n di n và ch ng minh c a ông T ng Thủ Ký Liên Hiệp Qu c.

Đ c k Hiệp Định Paris 1973, chúng ta sẽ tìm th y nh ng nguyên nhân sâu xa và t m n đ a t i vi c B c Việt thôn tính Miền Nam 2 năm sau khi Hiệp Định Paris v a ráo m c. Đây hi n nhiên là m t vi ph m c c k thô b o. Luật pháp văn minh c a loài ng i đã b thay th b ng luật r ng xanh.

Ngh ch lý c s th nh t là vi c Hoa Kỳ ch p nh n cho phái đoàn *M t Tr n Gi i Phóng Miền Nam* tham d h i ngh và ký tên trong Hiệp Định b ng vai ph i v v i Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ, d i danh nghĩa

đi đi

“Chính Ph”

Cách Mạng Lâm Thi của

“M”

Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.

Một Trận Giở Phóng Miền Nam là một tổ chức ngoại vi của Đảng Cộng Sản, cũng như các Một Trận Việt Minh, Một Trận Liên Việt, Một Trận Tộc Qu, Đảng Dân Chủ, Đảng Xã Hội v...v... đã được Đảng Cộng Sản Đông Dương khai sinh vì lý do thời cuộc từ thập niên 1940.

Từ sau 1975, khi Đảng Cộng Sản công khai xuất hiện để lãnh đạo những Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, các tổ chức ngoại vi nói trên như Đảng Dân Chủ của Đảng Hồ Chí Minh, Vũ Đình Hòe, Hoàng Minh Giám, Nghiêm Xuân Yêm, và Đảng Xã Hội của Nguyễn Xuân đã bị giải thể sau khi hoàn thành sứ mệnh bày tỏ

đưa đường cho Bắc Việt

. Những đó cùng chung số phận,

Một Trận Giở Phóng Miền Nam

của Nguyễn Hữu Thọ và

Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ

của Trần Đình Thọ cũng đã bị giải thể tháng 11-1975 sau khi hoàn thành sứ mệnh gây ra

trận Chiến Tranh Miền Nam là một cuộc

nhỏ lẻ

do chính những Miền Nam phát động, chứ không phải do Bắc Việt đẩy tay. Ngay cả quân lực Một Trận Giở Phóng Miền Nam cũng đã được sát nhập và “thống nhất” với quân lực Bắc Việt từ sau 30-4-1975.

Cho đến tháng 1-1973 khi ký Hiệp Định Paris, Hà Nội vẫn ngoan cố phản nhn sự tham gia của các binh sĩ Bắc Việt và chỉ nhận rằng Miền Nam.

Cho đây chỉ là cuộc nội chiến nên không có vấn đề quân đội Bắc Việt phải triệt thoái khỏi Miền Nam. (North Vietnam refused to withdraw their forces from South Vietnam. They asserted that the conflict was a civil war and refused to acknowledge explicitly that they had any troops in the South. Hanoi therefore rejected our repeated demands for their withdrawal on the grounds that they were not involved in the war:

Richard Nixon, sách đã dẫn

).

Ngày nay sự thất bại đã chứng minh những lời nói. Từ sau 1975, cũng như các cây kiếng Đảng Dân Chủ và Đảng Xã Hội tại Miền Bắc, hai cái bóng ma Một Trận Giở Phóng và Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ tại Miền Nam cũng đã bị khai tử và an táng trong Bãi Tha Ma của Lịch Sử với

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của nhân dân

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

bao oan nghi ngờ gây ra do những kẻ rồ dại voi vọt giãy mồm các bọn Tội Phẫn trong Nghĩa Trang Dân Tộc.

Trước khi Chiến Tranh Đông Dương Thập Hai (1955-1975), từ tháng 12-1972, do cuộc Tội Phẫn Kịch Chiến Lớn Mùa Giáng Sinh, Hoa Kỳ đã thắng trong chiến tranh. Nhưng, chỉ một tháng sau, từ tháng 1-1973 với Hiệp Định Paris, Hoa Kỳ đã thua trong hòa bình. Do những điều kiện khốc liệt của tình thế, những áp lực của phe phần chiến, của dân chúng chán ghét chiến tranh, của các cơ quan truyền thông mở dân tình sao chép những điều trái, bóp méo sự thật do phe Quốc Tội Cộng Sản cung cấp, và của những điều đã xảy ra tại Quốc Hội Hoa Kỳ.

Theo sách lược của họ về Cộng Sản, *ký hiệp định không phải để thi hành hiệp định mà chỉ nhằm để tiêu diệt những tiêu chính trị giai đoạn.*

Thư thu hồi này đã được áp dụng hiệu lực trong Chiến Tranh Đông Dương Thập Nhị (1946-1954) và Chiến Tranh Đông Dương Thập Hai (1955-1975):

1) Năm 1946, Cộng Sản ký Hiệp Định Sainteny, *nhập Pháp để giao quân đội Trung Hoa* để thanh toán các điều khoản của gia theo chủ nghĩa dân tộc như Quốc Dân Đảng, Đảng Minh Hối, Đội Việt, Duy Dân v...v.... Sau đó lại phát động Chiến Tranh Chống Pháp tháng 12 năm đó.

2) Năm 1954, Cộng Sản ký Hiệp Định Đình Chiến Geneva để *giao quân đội Pháp* và nắm chính quyền tại Miền Bắc. Sau đó lại tái phát động Chiến Tranh Thôn Tịch Miền Nam.

3) Năm 1973, Cộng Sản ký Hiệp Định Hòa Bình Paris để *giao quân đội Hoa Kỳ*. Để sau một khoét “thời gian hợp lý”, lại tái phát động chiến tranh thôn tính Miền Nam, bắt chấp lại cam kết cho “thực hiện thông qua Việt Nam bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở thực tế, công bằng và thỏa thuận, không cưỡng ép, không thôn tính, thời gian thông qua do hai Miền đồng thuận”.

Khi xét về Hiệp Định Paris 1973, Cộng Sản đã hợp nhai hai quốc gia Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa và 8 quốc gia khác để cùng ký Định Nghĩa của Hội Nghị Quốc Tội và Việt Nam ngày 2-3-1973 để báo động sự thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định. Ông Thọ Thập Ký Liên Hiệp Quốc hiện diện và chứng minh bản Định Nghĩa cũng một mẩu. Vì Liên Hiệp Quốc đã bỏ Cộng Sản dùng

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của nhân dân miền

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

làm bùng súng trong sách lược ru ng d lu n qu c t đ t o th i c xâm chi m Mi n Nam Vi t Nam b ng v c. N u Hoa K có trách nhi m pháp lý và đ o lý thì Liên Hi p Qu c cũng có trách nhi m tinh th n, vì đã không góp ph n vào vi c duy trì hòa bình t i Vi t Nam và Đông Nam Á.

Và b b ng h n c là Ban T Ch c Gi i Hòa Bình Nobel đã trao gi i này cho Lê Đ c Th là k l u mạnh phát đ ng chi n tranh xâm l c và Kissinger là k trí trá đ m l i hòa bình c a nh ng n m m . H n 3 tri u ng i đã b sát h i sau 1975 t i Vi t Nam và Cam B t, và hàng ch c tri u ng i khác đã b tìm k p trong gu ng máy đ c tài phi nhân, trái v i quy n dân t c t quy t đ c quy đ nh trong Hi n Ch ng Liên Hi p Qu c, Ph Đính Tuyên Ngôn Qu c T Nhân Quy n và các Công c Qu c T Nhân Quy n do Liên Hi p Qu c ban hành.

Đ NGH 10 Đ M C A B C VI T

Ngày 8-5-1969 T ng Th ng Nixon đ a ra B n Đ Ngh 8 Đ i m c a Hoa K nh m gi i quy t Chi n Tranh Vi t Nam b ng th ng ngh . Ngày hôm sau, 9-5-1969, đ giành chính nghĩa, B c Vi t cũng đ a ra b n đ ngh trong cái g i là “K Ho ch Hòa Bình 10 Đ i m”. 4 năm sau, ngày 27- 1-1973 khi H i Ngh Paris k t thúc, toàn b k ho ch c a B c Vi t đã đ c Hoa K ch p nh n.

- **Đ i m 1:** Tôn tr ng nh ng quy n c b n c a nhân dân Vi t Nam, nh đ c l p, *th ng nh t*, ch quy n và s *toàn v n lãnh th* c a n c Vi t Nam, nh Hi p Đ nh Geneva năm 1954 đã công nh n.

- **Đ i m 2:** Hoa K *ph i [đ n ph ng] rút ra kh i Mi n Nam Vi t Nam* t c quân đ i, vũ khí và đ ng c chi n tranh c a Hoa K và c a các qu c gia đ ng minh mà không đòi đ i u ki n nào; Hoa K *ph i h y b t t c các căn c quân s i Mi n Nam Vi t Nam.*

- **Đ i m 3:** Quy n chi n đ u đ b o v t qu c c a nhân dân Vi t Nam là quy n t v *thiêng liêng* và b t kh *chuy n nh ng c a m i dân t c.*

- **Đi m 4:** Nhân dân Mi n Nam Vi t Nam s t *gi i quy t l ynh ng v n đ n i b c a h*, không có s can thi p c a ngo i bang. Nhân dân Mi n Nam Vi t Nam s t l a ch n *ch đ chính tr*

cho Mi n Nam Vi t Nam qua nh ng cu c

t ng tuy n c

t do và dân ch ;

Qu c H i L p H n

s đ c thành l p đ so n th o

H n Pháp

,
Chính Ph Liên Hi p

Mi n Nam Vi t Nam s đ c thành l p trong tinh th n hòa gi i hòa h p và đ i đoàn k t qu c gia.

- **Đi m 5:** Trong th i gian chuy n ti p, t khi tái l p hòa bình đ n khi t ch c t ng tuy n c ,*các bên M n Nam không đ c áp đ t ch đ chính tr* c a mình cho nhân dân Mi n Nam.

Các l c l ng chính tr đ i di n các t ng l p xã h i và các khuynh h ng chính tr M n Nam Vi t Nam ch tr ng hòa bình, đ c l p và *trung l p*, k c nh ng ng i đang s ng i ngo i qu c vì lý do chính tr , cũng đ c quy n tham d vào vi c th ng ngh đ thành l p

Chính Ph Liên Hi p Lâm Th i.

Chính ph này ph i đ c đ t trên c s bình đ ng, dân ch và t ng kính , nh m xây đ ng m t Mi n Nam Vi t Nam hòa bình, đ c l p, dân ch và trung l p. Chính Ph Liên Hi p Lâm Th i có nh ng trách nhi m sau đây:

- Thi hành nh ng đi u kho n đã đ c th a thu n v *vi crút quân c a Hoa K* và c a các qu c gia đ ng minh ra kh i Mi n Nam Vi t Nam.

- Th c hi n *hòa gi i hòa h p dân t c* và đ i đoàn k t qu c gia gi a các t ng l p xã h i, các l c l ng chính tr và các s c t c.

- *T ch c t ng tuy n c* t do và dân ch trong toàn lãnh th Mi n Nam Vi t Nam đ th c thi quy n t quy t c a nhân dân Mi n Nam Vi t Nam chi u theo đi m 4 nói trên.

- *Th c thi nh ng quy n t do dân ch thi t y unh* t do ngôn lu n, t do báo chí, t do h i h p, t do tín ng ng, t do l p h i và l p đ ng chính tr , t do bi u tình v...v....

- *Phóng thích t c nh ng ng i đang b giam c m vì lý do chính tr* ,c m m i hành đ ng kh ng b , tr thù và k th đ i v i nh ng ng i đã c ng tác v i các bên, hi n s ng i trong n c hay i ngoài n c chi u theo Hi p Đ nh Geneva 1954.

- *Hàn g n v t th ng chi n tranh*, ph c h i và phát tri n kinh t , bình th ng hóa đ i s ng c a nhân dân và c i thi n đ i s ng c a gi i lao đ ng.

- **Đi m 6** : Mi n Nam Vi t Nam s th c hi n chính sách đ i ngo i hòa bình và *trung l p* (mi n B c không b ràng bu c b i đ i u ki n này):

- Giao h o v i *V ng Qu c Cam B* trên căn b n tôn tr ng đ c l p, ch quy n, *trung l p* và s toàn v n lãnh th và biên gi i c a qu c gia này; giao h o v i *V ng Qu c Lào* trên căn b n tôn tr ng Ngh Đ nh Th năm 1962 [b o đ m n n *trung l p* c a Ai Lao].

- Thi t l p quan h ngo i giao, kinh t và văn hóa v i t t c các qu c gia trên th gi i k c Hoa K , không phân bi t v chính tr và xã h i, theo 5 Nguyên T c S ng Chung Hòa Bình [c a phe Phi Liên K t Á Phi t H i Ngh Bandung 1955]; cùng tôn tr ng n n đ c l p, ch quy n và s toàn v n lãnh th , không gây h n, không can thi p vào vi c n i b , bình đ ng và l ng l i, s ng chung hòa bình, nh n vi n tr kinh t và k thu t c a các qu c gia mà không l thu c vào b t c đ i u ki n chính tr nào.

- **Đi m 7**: N n th ng nh t c a Vi t Nam s đ c th c hi n t ng b c b ng ph ng pháp hòa bình trên c s th ng th o và th a hi p gi a Mi n B c và Mi n Nam Vi t Nam không có s can thi p c a n c ngoài.

Trong khi ch đ i th ng nh t Vi t Nam trong hòa bình:

- Hai mi n s tái l p quan h ngo i giao trong m i lãnh v c trên căn b n t ng kính.

- Gi i Tuy n Quân S T m Th i gi a hai mi n t i Vĩ Tuy n 17 quy đ nh trong Hội p Đ nh Geneva 1954, ch là t m th i, và không ph i là m t ranh gi i v chính tr hay lãnh th .

- Hai mi n s ký th a c v quy ch Vùng Phi Quân S , và cách th c di chuy n qua Gi i Tuy n Quân S T m Th i.

Hiệp Định Hòa Bình Paris giữa những người cầm đầu

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

- **Điều 8:** Trong khi chờ đợi sự thống nhất Việt Nam bằng phương pháp hòa bình, theo quy định của Hiệp Định Geneva 1954, hai Miền Nam Bắc không tham gia bất cứ liên minh quân sự với bất cứ quốc gia nào, không cho phép nước ngoài duy trì căn cứ quân sự, hay trú đóng quân đội và nhân viên quân sự trên đất mình.

- **Điều 9:** Các giới quy định về nòng cốt như sau:

- Các bên sự thống nhất về việc trao trả tù binh của các bên bắt giữ trong thời chiến.

- Chính Phủ Hoa Kỳ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những tổn thất và tàn phá gây ra cho nhân dân Việt Nam ở cả hai miền.

- **Điều 10:** Các bên sự đi đến thỏa thuận về việc giám sát quốc tế trong việc triệt thoái quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và vật dụng chiến tranh của Hoa Kỳ và các quốc gia đồng minh ra khỏi Miền Nam Việt Nam (không nói gì đến Bắc Việt).

Đã Nghị 10 Điều của Bắc Việt hội tháng 5-1969 tập trung vào 4 chủ đề:

- **Chức Đ I:** Các Điều 1, 3 và 7 coi Việt Nam vẫn là một nước duy nhất và thống nhất với lãnh thổ toàn vẹn. Chức đề này nhằm xóa bỏ Hiệp Định Geneva tháng 7-1954 đã phân chia Việt Nam thành hai quốc gia, Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. (Cũng như hai nước Nam Hàn và Bắc Hàn đã được thành lập do Hiệp Định Bàn Môn Đàm tháng 7-1953 tại Triều Tiên).

- **Chức Đ II:** Các Điều 2, 8 và 10 nói về sự ngừng bắn tạm thời và sự triệt thoái [đến phương] của quân đội Hoa Kỳ và các đồng minh như Úc, Đài Loan, Tân Tây Lan, Thái Lan, Phi Luật Tân và Đài Hàn.

- **Chức Đ III:** Điều 9 nói về sự trao trả tù binh đến những người của Hoa Kỳ là kẻ gây chiến phải chịu trách nhiệm bởi sự thống nhất chiến tranh và tái thiết hai miền Việt Nam.

- **Ch Đ IV:** Các Đ m 4, 5 và 6 nói v nh ng v n đ và gi i pháp chính tr t i Mi n Nam nh t ch c T ng Tuy n C , so n th o Hi n Pháp m i và thành l p Chính Ph Liên Hi p 3 Thành Ph n theo chính sách trung l p nh Cao Miên và Ai Lao trong Kh i Phi Liên K t Á-Phi. Ch đ này nh m xóa b Hi n Pháp Vi t Nam C ng Hòa 1967, gi i tán Chính Ph và gi i th ch đ Vi t Nam C ng Hòa.

4 Ch Đ nói trên do B c Vi t đ a ra t tháng 5-1969 đã đ c ch p nh n toàn b trong 8 Ch ng c a Hi p Đ nh Paris tháng 1-1973.

- **Ch Đ I: V Tâm Lý Chi n: Lãnh th Vi t Nam Th ng Nh t (Các Đ m 1, 3 và 7)**

Ch đ này đòi xác nh n Vi t Nam là m t qu c gia th ng nh t, lãnh th toàn v n b t kh phân (Đ m 1)

Gi i Tuy n Quân S t i Vĩ Tuy n 17 quy đ nh trong Hi p Đ nh Geneva 1954 không có giá tr là m t ranh gi i chính tr hay biên thùy lãnh th (Đ m 7)

Nh v y b t c ng i dân Vi t Nam nào cũng có quy n đi l i trong lãnh th th ng nh t c a Vi t Nam (t Nam Quan đ n Cà Mau) đ chi n đ u b o v t qu c ch ng ngo i xâm đ i b t c hình th c nào (Đ m 3)

Đây th c ra ch là m t sách l c c a B c Vi t nh m xóa b Hi p Đ nh Geneva 1954. Vì, nh đã trình bày:

“Gi i tuy n quân s t m th i gi a hai mi n Nam B c kéo dài ra ngoài h i ph n theo m t đ ng th ng góc v i đ ng ven bi n. L c l ng Liên Hi p Pháp ph i rút kh i t t c các h i đ o ven b bi n thu c phía B c gi i tuy n (V Tuy n 17). Và quân đ i B c Vi t ph i rút kh i t t c các h i đ o thu c phía Nam”. (Đ i u 4 Hi p Đ nh Geneva 1954).

L t t nhiên, n u có gi i tuy n cho mi n lãnh h i thì cũng ph i có gi i tuy n cho vùng lãnh th (V Tuy n 17). Gi i tuy n này có hi u l c trong 21 năm t i Vi t Nam (1954-1975). Nó v n còn có hi u l c trên 57 năm t i Tri u Tiên (t 1953 cho đ n nay).

V m t tâm lý chi n, H Chí Minh h ng tuyên b : “Quy n chi n đ u đ b o v t qu c c a nhân dân Vi t Nam là quy n t v chính đ đ ng và thi ng li ng”. Vì v y B c Vi t không bao gi ch p nh n rút quân kh i Mi n Nam và đ ã k t án Hoa K là k gây chi n ph i ch u trách nhi m b i th ng chi n tranh và tái thi t h u chi n. Đi u này đ đ c m c nhiên ch p thu n trong Ch ng VIII Hi p Đ nh Paris theo đ “Hoa K s đ ng g p vào vi c hàn g n v t th ng chi n tranh và tái thi t B c Vi t và Đông D ng sau chi n tranh” (Đi u 21)

Ch Đ I đ đ c Hi p Đ nh Paris ch p nh n trong Đi u 1 Ch ng I và Đi u 15 Ch ng V (m i ch ng ch có m t đ i u).

Đi u 1: “Hoa K và các n c khác ph i tôn tr ng đ c l p, ch quy n, s th ng nh t và toàn v n lãnh th c a n c Vi t Nam nh Hi p Đ nh Geneva 1954 v Vi t Nam đ công nh n”.

Đi u 15: (a) “Trong khi ch đ i th ng nh t: Gi i Tuy n Quân S gi a hai mi n t i Vĩ Tuy n 17 không ph i là m t ranh gi i v chính tr h c v lãnh th nh quy đ nh trong đ n 6 c a Tuyên Ngôn Sau C ùng c a H i Ngh Geneva năm 1954”.

Ch Đ I c a Đ Ngh B c Vi t nh m xóa b t cách pháp nhân c a Vi t Nam C ng Hòa, xóa b Hi p Đ nh Geneva, xóa b Gi i Tuy n Quân S là Vĩ Tuy n 17 cũng nh vùng Phi Quân S 10 cây s . Đ là ngh ch lý c s th hai.

Đ ngh này có tác đ ng không ngăn c n nh ng cu c di chuy n c a các cán binh B c Vi t xâm nh p Mi n Nam, nói là đ chi n đ u b o v t qu c, ch ng Hoa K là k xâm l c hay k can thi p.

V m t pháp lý, sau khi Hi p Đ nh Geneva đ đ c ký ngày 20-7-1954, qua hôm sau, 21-7-1954, H i Ngh công b b n Tuyên Ngôn Sau C ùng, khuy n cáo hai bên t ch c t ng tuy n c đ th ng nh t Vi t Nam vào tháng 7-1956. Tuy nhiên tuyên ngôn không ph i là hi p c nên không có giá tr pháp lý. H n n a Tuyên Ngôn Sau C ùng ngày 21-7-1954 không mang ch ký c a b t c phái đ ãn nào, k c B c Vi t và Qu c Gia Vi t Nam, nên không có giá tr pháp lý và không có hi u l c ràng bu c Vi t Nam C ng Hòa.

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của những năm

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Theo Công Pháp Quốc Tế, từ 1954 Việt Nam không còn là một quốc gia thống nhất vì lãnh thổ đã bị chia phân tại vĩ tuyến 17. Từ đó tại Việt Nam có hai quốc gia, hai chính phủ, hai quân đội và hai miền lãnh thổ. Cũng như tại Triều Tiên sau Hiệp Định Bàn Môn Điếm từ 57 năm nay. Như vậy, năm 1973 nói đến một nước Việt Nam thống nhất chỉ là tuyên truyền và ngôn ngữ không phải là hiện thực.

Chính Hiệp Định Geneva 1954 cũng xác nhận điều đó:

1) Điều 14 đối với pháp chính trị cho Việt Nam có ghi: “Trong khi chờ đợi Tổng Tuyển Cử để thống nhất nước Việt Nam, bên nào có quân đội tập hợp ở vùng nào thì sẽ phải trách nhiệm trên hành chính ở vùng đó”. Vì chúng ta có tổng tuyển cử nên chúng ta có thống nhất.

2) Điều 24: “Các lực lượng vũ trang của mỗi bên sẽ phải tôn trọng vùng phi quân sự và lãnh thổ được đề nghị quy định kiểm soát của bên kia”. Vì có hai quốc gia nên có hai lãnh thổ. Và giới tuyến quân sự (Vĩ tuyến 17) là biên giới của hai nước Việt Nam Cộng Hòa và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chỉ do Hiệp Định Geneva 1954.

3) Điều 6: “Bất cứ người nào, quân nhân hay thường dân, đều không được vượt qua giới tuyến quân sự mà không có giấy phép của Ban Liên Hợp”.

4) Điều 7: “Bất cứ người nào, quân nhân hay thường dân, đều không được vào khu phi quân sự mà không có giấy phép của Ban Liên Hợp”.

Như vậy ngày nào Hiệp Định Geneva còn có hiệu lực thì Việt Nam không phải là một quốc gia thống nhất như bên Đệ Nhất Cộng Hòa Việt đã khẳng định trong Chủ Đề I.

Một điều nữa, Đông Cộng Sản Việt Nam vẫn tuyên bố rằng quy định chỉ định cho vùng xâm lăng để bảo vệ tập thể của nhân dân Việt Nam là quy định vô nghĩa thiêng liêng. Đó chỉ là một quan điểm chủ quan. Với lợi ích thực tế cho biết, tại Miền Nam Việt Nam, không phải Hoa Kỳ, Bên Việt mới chính là kẻ xâm lăng.

Do chính sách giao hảo của Đảng Cộng Sản và sự ngây thơ của chính giới Hoa Kỳ và dã tâm của Kissinger muốn bẻ ròi Việt Nam, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy Hiệp định Paris 1973 đã chấp nhận Chín Điều của Bộ Chỉ huy và chấp nhận quan điểm của Bộ Chỉ huy theo đó Việt Nam là một quốc gia đã thống nhất. Trên mặt trận tâm lý, Hoa Kỳ đã thua Bộ Chỉ huy. Tâm lý nhân chủng đã phá lý và thực tế.

- Chín Điều II: Về mặt Quân Sự : Ngành Bộ Chỉ huy, Rút Quân, Căn Cứ Quân Sự, Liên Minh Quân Sự .

1 (Các Điều 2, 8 và 10 của Điều Nghị Bộ Chỉ huy)

Các Điều 2 và 8 trong Điều Nghị Bộ Chỉ huy đòi Hoa Kỳ phải [đón phụng] rút quân khỏi Miền Nam Việt Nam kể cả các quân đội của các quốc gia đồng minh như Úc, Đài Loan, Tân Tây Lan, Thái Lan, Phi Luật Tân và Đài Hàn.

Đồng thời, hai Miền Nam Bộ Chỉ huy phải hủy bỏ các căn cứ quân sự và không tham gia vào các liên minh quân sự với bất cứ quốc gia nào.

Điều 10 nói về việc thành lập cơ quan kiểm soát quốc tế để giám sát sự triệt thoái của các quân lực Hoa Kỳ và đồng minh ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Nhưng Điều Nghị này đã được chấp thuận trong Hiệp định Paris 1973 nên Chín Điều II nói về sự ngưng bắn thì chấp hay ngưng bắn da beo 24 giờ sau ngày ký Hiệp định.

Điều 2: “Mặt cuộc ngưng bắn sẽ được thực hiện trên khắp Miền Nam Việt Nam kể từ 24 giờ ngày 27-1-1973”.

Điều 3 nói về nguyên tắc Ngành Bộ Chỉ huy hay Ngành Bộ Chỉ huy Da Beo: “Bắt đầu từ khi ngưng bắn:

a. Các lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đồng minh của Hoa Kỳ và của Việt

Nam Cộng Hòa sẽ nguyên vẹn trí của mình trong lúc chờ đợi thực hiện kế hoạch rút quân.

b. Các lực lượng vũ trang của hai bên Miền Nam Việt Nam sẽ nguyên vẹn trí của mình.” (không phải rút quân).

Điều 5: “Sẽ rút quân của Hoa Kỳ và của các quốc gia đồng minh phải được hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ khi ký Hiệp Định”.

Điều 6 nói về sự hủy bỏ các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam.

Và Chương VI Hiệp Định Paris quy định về thành lập Ban Liên Hợp Quốc Quân Sự (Điều 16), Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát (Điều 18), được biết là Hội Nghị Quốc Tế (của 12 nước) Việt Nam: gồm có bên bên kia, các nước Anh, Pháp, Nga, Hoa và bên quốc gia giám sát là Ba Lan, Canada, Hung Gia Lợi và Nam Dương. Ngoài ra còn có sự hiện diện và chúng minh của ông Tổng Thư Ký Liên Hợp Quốc. (Điều 19). Ngày 2-3-1973, 12 “nước” đã ký bản Định của Hội Nghị Quốc Tế và Việt Nam để bắt đầu thi hành nghiêm chỉnh Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973.

Khách quan mà xét đây chỉ là những tổ chức hay cơ quan kiểm soát và giám sát trang trí, hậu danh vô thực. Đó là lí do thu được an toàn trên an dân luôn cho Hoa Kỳ triệt thoái quân đội khỏi Miền Nam. Lý do đó hiện là các cơ quan kiểm soát này chỉ có thể lập phức tạp và quy định theo nguyên tắc nhất trí. Vì vậy có nhất trí nên thành bất đồng. Trong các Ban Liên Hợp Quốc cũng như trong Ủy Ban Kiểm Soát và Giám Sát không bao giờ đạt được nhất trí. Vì có hai thành phần thù địch xuyên suốt kháng nhau.

Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát và Giám Sát gồm đại diện hai nước Cộng Sản Ba Lan và Hung Gia Lợi, một nước trung lập (Nam Dương) và một nước thuộc phe dân chủ (Canada). Không bao giờ Ủy Ban có sự nhất trí, ngoài trừ bên phức tạp duy nhất mang bản chất ký xác nhận Sa Huỳnh thuộc vùng kiểm soát của Việt Nam Cộng Hòa hồi tháng 1-1973. Sau vậy này đại diện Ba Lan bằng cách chấp. Hơn nữa ngày 7-4-1973 quân đội Bắc Việt đã bắt hai trực thăng của Ủy Ban tại Ban Mê Thuột đưa đến sự tổ chức của phái bên Canada. Đó Bắc Việt được do hoành hành. Hội đã vi phạm Hiệp Định Paris hơn 2 ngàn lần năm 1973 so với khoảng 1 ngàn vi phạm năm 1972. Đó là sách lược của Đánh Vấn Đề Đám áp đồng chí Chiến Tranh Triều Tiên đưa thập niên 1950. Tại Việt Nam chính sách này được mệnh danh là “Giành Dân Lành Đốt”.

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của những nam

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

những vị phạm tội của Bộ Chỉ huy những vị tiến chiếm Phước Long tháng 1-1975, Ban Mê Thuột tháng 3-1975 và Đà Nẵng tháng 4-1975 cũng không thây y Ban Kiểm Soát và Giám Sát lập phúc trình!

Độc biết là theo Đề Nghị Bộ Chỉ huy và Điều 3 Hiệp Định Paris, số những bên tiến chiếm hay những bên da beo cho phép các lực lượng đi nghênh (kể cả Bộ Chỉ huy) được giữ nguyên vị trí của mình. Và những vị đã mặc nhiên cho phép quân Bộ Chỉ huy được tiếp tục đứng trên lãnh thổ Miền Nam. Đó là nguyên lý cơ sở thứ ba.

Vì không rút quân, Hiệp Định Paris chỉ nói về sự triệt thoái đến những nơi của các quân lực Hoa Kỳ và đồng minh. Trong khi đó không có điều khoản nào buộc quân đi và cán bộ Bộ Chỉ huy xâm nhập Miền Nam phải triệt thoái ra khỏi Việt Nam 17 như Hiệp Định Geneva 1954 đã quy định. (Trong thời gian hòa đàm 1954, Bộ Chỉ huy đã bác bỏ đề nghị những bên tiến chiếm hay những bên da beo tiến hai miền Nam Bộ).

Theo Hiệp Định Geneva 1954, hai bên phải tiếp kết và rút quân ra khỏi giới tuyến quân sự tạm thời (Việt Nam 17). Quân đi Bộ Chỉ huy phải rút về phía Bắc giới tuyến, và quân đi Quốc Gia Việt Nam và quân đi Liên Hiệp Pháp phải rút về phía Nam giới tuyến. Sự rút quân song phương đã được tiến hành theo trình tự như sau:

1. Về phía Bộ Chỉ huy: Khu Đồng Tháp Mười trong thời hạn 100 ngày, khu Mũi Cà Mau 200 ngày và dứt chót ở Trung Phần 300 ngày.

2. Về phía Quốc Gia Việt Nam và Liên Hiệp Pháp: 80 ngày tiến Hà Nội, 100 ngày tiến Hải Phòng và 300 ngày tiến Hải Phòng.

Trong thời gian tiếp kết 300 ngày, gần 1 triệu đồng bào Miền Bắc đã bỏ phiêu bạt ng chân khi rời bỏ Miền Bắc vào Nam tìm Tự Do.

Chương III: Về Mặt Nhân Đạo và Tái Thiết: Phóng Thích Tù Binh Và Bồi Thường Chiến Tranh

(Điều 9 Đề Nghị Bộ Chỉ huy)

Chương III (Điều 8) và Chương VIII (Điều 21) Hiệp Định Paris đã cấp định việc trao trả tù binh, bồi thường chiến tranh và tái thiết Đông Dương. Đây chỉ là số sao chép đề nghị và quan điểm của Bộ Chỉ huy theo đó Hoa Kỳ là kẻ gây chiến nên phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những

Hiệp định Hòa Bình Paris để nới rộng hòa bình của nhân dân miền

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

tin tức và tàn phá gây ra cho nhân dân Việt Nam.

Và Điều 9 Điều Nghị Quyết Việt Nam nói, nêu lên đòi hỏi tù binh, phải bắt buộc ngừng chiến tranh và tái thiết hậu chiến. Hoa Kỳ đã ngừng chiến tranh hành khi ký Hiệp định.

Chương IV: Về mặt Chính Trị : Nhân dân Việt Nam và Giới Pháp (Các Điều 4, 5, 6 của Điều Nghị Quyết Việt Nam)

Chương này đề cập đến những giới pháp chính trị sẽ được áp dụng tại Miền Nam Việt Nam khi Hiệp định Paris được ký kết và thi hành.

Điều 4 Bên Điều Nghị Quyết Việt Nam đòi quyền dân tộc tự quyết cho nhân dân Miền Nam (nhân dân Miền Bắc không được ngừng quyền này), được lựa chọn chế độ chính trị thông qua Tổng Tuyển Cử để soạn thảo Hiến Pháp Mới, tiến tới việc thành lập mặt Chính Phủ Liên Hiệp theo Chương Trung Lập chi 5 Nguyên Tắc Song Chung Hòa Bình của Hội Nghị Bandung 1955 và của phe Phi Liên Kết Á Phi.

Như vậy Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa sẽ bỏ giới hạn, Miền Pháp Việt Nam Cộng Hòa sẽ bỏ hạn chế thành lập Chính Phủ Liên Hiệp 3 thành phần ngang nhau: Cộng Sản, Trung Lập thiên cộng và Cộng Hòa. Tuy nhiên trong tình hình quan hệ hiện tại, phe Cộng Hòa chỉ còn 1/3 tại Miền Nam và 1/6 tại Việt Nam. Về nội dung phân quyền này không cần vào những tình hình quan chính trị và xã hội. Trên thực tế Cộng Sản chỉ kiểm soát được 10% dân chúng. Phe trung lập thiên cộng chỉ là “mỹ anh phiêu lưu chính trị và tập sự chính trị vô tích sự hay phê bình vung vít” (Đời Sĩ Jean Marie Merillon). Đến đầu năm 1975 Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa vẫn kiểm soát trên 85% dân chúng Miền Nam Việt Nam.

Do đó sẽ thành lập Chính Phủ Liên Hiệp 3 thành phần ngang nhau là bất công. Đây chỉ là mặt khuất hậu thân tính Miền Nam bằng đường lối hòa bình.

Đầu sao, đời với Bên Việt, đó vẫn là hồ sách.

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của miền nam

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Mục tiêu chủ yếu của hòa bình là, với hơn 100 ngàn quân đội trú sở tại Miền Nam cũng với số quân xâm nhập năm 1975 cũng 250 ngàn, khi đi vào miền cho phép, hòa bình xâm chiếm Miền Nam bằng vũ lực. Cũng hàng ngàn năm mất thu của Bắc Việt là sự vắng mặt của Tổng Thống Nixon trong vụ Watergate (từ tháng 4-1973 đến tháng 8-1974). Thêm vào đó là chế độ thực dân của Hoa Kỳ muốn triệt thoái toàn bộ quân lực ra khỏi Việt Nam để đòi phóng thích tù binh sau khi ngừng bắn. Kể từ tháng 6-1973 Quốc Hội không còn cấp ngân khoản cho quân lực của Hoa Kỳ chiếm đóng tại Đông Dương. Và Luật về Quy định Lực Lượng Chiến Tranh tháng 10-1973 đã trói tay hành động của Hành Pháp và là cơ quan hành động.

Vì không còn lo sợ bị oanh tạc, hàng chục cơ sở đoàn chính quy Bắc Việt, với sự yểm trợ từ đa số của Liên Xô và Trung Quốc, đã công khai di chuyển từ các căn cứ tại Ai Lao, Cao Miên và Bắc Việt vào chiếm đóng Miền Nam từ tháng 11-1973, nhất là từ tháng 8-1974 khi Nixon từ chức.

Như đã trình bày, 3 nguyên lý cơ sở là:

1) Theo Hiệp Định Geneva 1954, trên lãnh thổ Việt Nam chỉ có hai quốc gia là Việt Nam Cộng Hòa tại Miền Nam và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Miền Bắc. Vì lãnh thổ quốc gia đã bị chia cắt nên không còn thế lực nhất (Quốc Gia Việt Nam không ký Hiệp Định Geneva 1954 nên không chịu trách nhiệm về sự qua phân lãnh thổ).

2) Với một quân sự chủ yếu ghi sự triệt thoái đội phòng của Hoa Kỳ và Đông Minh và không lý về gì đến sự hiện diện của hàng trăm ngàn binh sĩ Bắc Việt xâm nhập Miền Nam từ 1972.

3) Hợp nhất, với một chính trị và pháp lý, trong lãnh thổ Việt Nam chỉ có hai quốc gia và không thể có một quốc gia ba mặt danh là Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam (CHMNVN).

Khoảnh “3 Quốc Việt” đã được Trung Quốc và Bắc Việt đưa ra để giảng dạy Hoa Kỳ. Chu Ân Lai đã dụ dỗ Kissinger bằng cách hứa hẹn dùng Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam làm quốc gia trung lập trái để lại của Bắc và Nam Việt. Bắc Kinh còn tiếp tục hứa đã ký với Giới Phóng Miền Nam một Hiệp Định An Ninh Hợp Tác theo đó “mọi vi phạm chủ quyền của Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam sẽ được coi như vi phạm chủ quyền của Trung Quốc”.

Hiệp Định Hòa Bình Paris giữa những người cầm quyền

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Và sau việc thành lập “Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời” (CPCMLT) còn có việc đổi tên từ Xa Lộ Đông Trường Sơn (hay Đường Mòn Hồ Chí Minh) thành Quốc Lộ 1 Kép; Quốc Lộ 19 Pleiku-Quy Nhơn thành Quốc Lộ 2; và Quốc Lộ 21 Ban Mê Thuột-Nha Trang thành Quốc Lộ 3 trong một quốc gia mới được Trung Quốc khai sinh và nuôi dưỡng. CHMNVN sẽ đặt thủ đô tại Tây Nguyên. Và đến ngày trình diễn, các phái đoàn của 80 nước, đứng đầu là Trung Quốc, sẽ đến từ Đông Hà xuống Tây Nguyên bằng Xa Lộ Đông Trường Sơn hay Quốc Lộ 1 Kép để tham gia CPCMLT.

Với một quốc gia công pháp, trong một quốc gia không thể có hai nước. Điều này đi trái với Hiệp Định Geneva 1954 quy định thành lập hai quốc gia Việt Nam Cộng Hòa (Miền Nam) và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Miền Bắc) (cũng như hai quốc gia Nam Hàn và Bắc Hàn theo Hiệp Định Bàn Môn Đàm 1953).

Do đó ngày nào Hiệp Định Geneva còn có hiệu lực (như Hiệp Định Bàn Môn Đàm) thì không thể có hai nước Việt tại Miền Nam, với hai chính phủ, hai quân đội, hai vùng lãnh thổ, hai loại cư dân, kể cả hai loại công an cảnh sát (như Điều 6 Nghị Định Thủ Vệ Ngành Bọn trong Hiệp Định Paris 1973 đã ám chỉ).

Từ 1969, do áp lực của Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa đã phải nhìn nhận “thực thể Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam” như một điều kiện chính thức. Dù rằng trong quá khứ, cuộc Tổng Công Kích Tổng Khởi Nghĩa Tết Mậu Thân 1968 đã hoàn toàn lật đổ chính quyền cũng như quân sự.

Cộng Sản đòi gọi các cán binh rơi vào Nam chỉ để tiếp thu và sẽ có tổng khởi nghĩa của nhân dân Miền Nam. Thốt ra cuộc khởi nghĩa chính trị không được ai hỗ trợ. Theo báo cáo của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (mất thanh niên chưa tới 20 tuổi) thì ngày Tổng Khởi Nghĩa sẽ có 50 triệu khởi nghĩa. Vậy mà tại ngày đó, chỉ có một triệu của thủ tướng mà thôi, “không thấy 49 triệu đâu hết!”.

Những điều sai biệt này, với một chính phủ Hồ Chí Minh đúc kết: “Cuộc Tổng Khởi Nghĩa thất bại vì báo cáo chệch quan”. (Tổng số phóng đại là 98%).

Với một quân sự, cũng theo Hồ Chí Minh: “Cuộc Tổng Công Kích thất bại vì hàng triệu cán sự du kích tan rã” do Chiến Dịch Lùng và Diệt Địch phát động từ 1965. Nhiệm vụ của Bắc Việt vào Nam đã bị tiêu diệt, có những đơn vị đi 2000 người mà sau một đêm chỉ còn có 30. (Tổng số thất bại cũng là 98%):

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của nhân dân miền

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

*Mười Thân, hai ngàn người
Xuống ngựa xuống ngựa,
Chết đêm, còn sống có ba người.
(Chị Lan Viên)*

Những ngày khi Hiệp Định Paris ký kết tháng 5-1968, theo cán cân chính trị và quân sự, đáng lý Việt Nam Cộng Hòa phải ngừng vào ghế thống phong ngang hàng với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Nhưng không thể chấp nhận cho cái bóng ma Mốt Trơn Giỏi Phóng đả c s m vai “nổi c th t” tại Hiệp Định. Do những nhượng bộ quá đáng của Hoa Kỳ, trên thực tế Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn đời sống cho 1/3 nhân dân Việt Nam, trong thời gian chia 3 nước Việt do Trung Quốc đưa ra để du nhập Hoa Kỳ. Thời gian này báo chí Hoa Kỳ phớt lờ tình phân biệt giữa người Việt Cộng (Miền Nam) với Cộng Sản Bắc Việt.

Từ 1949 khi Quốc Gia Việt Nam được thành lập do Hiệp Định Elysée, chỉ có một chính phủ hợp pháp do Quốc Trưởng Ngô Bảo Đại ủy nhiệm. Và từ 1956 dưới chính thể Cộng Hòa, Miền Nam Việt Nam vẫn chỉ có một chính phủ dân chủ được hầu hết các quốc gia trên thế giới thừa nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao.

Cuối tháng 12-1960, để giảm bớt cuộc “nổi dậy”, Đảng Cộng Sản đã thành lập một tổ chức ngoại vi mang danh là Mốt Trơn Dân Tộc Giỏi Phóng Miền Nam. Và từ tháng 6-1969, tại Hiệp Định Paris, họ còn khai sinh cái gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời của Nước Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Những việc, việc pháp lý và chính trị, Việt Nam Cộng Hòa bắt đầu hợp còn 1/4 lực lượng tại Việt Nam, ngang với CHMNVN.

Trong cuộc hòa đàm, **Chị Đệ IV của Bắc Việt và những việc chính trị tại Miền Nam đã được chấp nhận toàn bộ bởi Điều 9, Điều 12 và Điều 11 Hiệp Định Paris 1973:**

- Điều 9: “Nhân dân Miền Nam Việt Nam sẽ tự quyết định về tình hình lại chính trị cho Miền Nam thông qua tiếng nói của họ do đồng ý giám sát của các cơ quan quốc tế”.

- Điều 12: “Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên Miền Nam Việt Nam sẽ thành lập Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc 3 thành phần ngang nhau. Trong vòng 3 tháng hai bên sẽ ký một hiệp định về các vấn đề nội bộ của Miền Nam Việt Nam. Hội Đồng Quốc Gia Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc sẽ chỉ có tiếng nói của họ do có giám sát quốc tế”.

- Điều 11: “Ngay sau khi ngừng chiến, hai bên Miền Nam sẽ đem bỏ những quy định do dân chủ của nhân dân, những do cá nhân, những do ngôn luận, những do lập hội, những do hoạt động chính trị [lập đảng], những do tín ngưỡng, những do di chuyển, những do công nghệ, tôn giáo quy định họ, và quy định do kinh doanh”. Và những quy định Công Sản sẽ được công khai hoạt động trái với Hiệp định Pháp Việt Nam Công Hòa 1967 để công nhận ra ngoài vòng pháp luật.

Với sự xóa bỏ Hiệp định Geneva 1954, sự thay đổi nhân nhà nước và chính phủ Công Hòa Miền Nam Việt Nam, với điều kiện nhiên cho phép quân Bắc Việt đến trú tại Miền Nam, với sự rút quân đến những của Hoa Kỳ và đồng minh, với sự cắt viện trợ quân sự cho Việt Nam Công Hòa sau Hiệp định Paris, để bắt đầu là với việc Hoa Kỳ bắt đầu không tôn trọng lời cam kết của Tổng Thống Nixon trong 30 văn bản ghi Tổng Thống Thiệu hạ sự trở đưa quy định bắt buộc những vũ khí mạnh nhất (những không đoàn B52) trong những hợp Bắc Việt tiến công vũ trang quy mô vì phạm nghiêm trọng Hiệp định, Nixon thú nhận rằng: “Hoa Kỳ đã phản bội Đông Minh và đã thất bại trong việc thực thi những điều cam kết bỏ về Đông Lào và T Do của Việt Nam Công Hòa. **Đây là sự phản bội và thất bại không tiền khoáng hậu trong lịch sử Hoa Kỳ**”. (An unprecedented example of American betrayal and failure: Nixon, No More Vietnams).

Trong cuốn sách này, Nixon viết: “Mục đích chúng tôi không chấp nhận tính chính thức của quân đội Bắc Việt đến trú tại Miền Nam, những cho đến tháng 10-1972, chúng tôi vẫn không thể làm lay chuyển lập trường bắt đầu di chuyển đến của Bắc Việt. Họ những quy định không chịu rút quân khỏi Miền Nam và chấp nhận những Chiến Tranh Việt Nam chỉ là một cuộc nội chiến của hai phe Miền Nam. Họ không đồng ý không có cán binh Bắc Việt nào xâm nhập Miền Nam. Và những quy định bắt buộc yêu cầu của chúng tôi đòi Bắc Việt phải rút quân, lý sự rằng họ không tham gia vào cuộc nội chiến tại Miền Nam”.

Chúng ta hãy hỏi ông Nixon: Nếu không tham chiến, sao phải ngừng hòa?

Với sự du nhập những những “cam kết ngầm” của Bắc Việt, Kissinger đã thúc đẩy Hoa Kỳ những một chấp nhận các điều kiện của Bắc Việt. Và cả Chiến lược II Hiệp định Paris đã không viết một câu nào về việc quân đội Bắc Việt phải triệt thoái khỏi Miền Nam như trong Hiệp định Đình Chiến Geneva 1954. Sau khi Hiệp định Hòa Bình Paris 1973 được công bố, một nhân viên phái đoàn Bắc Việt trong tuyên bố với báo chí: “Khác với thời Hiệp định Đình Chiến Geneva 1954, lần này, theo Hiệp định Hòa Bình Paris 1973, chúng tôi không phải rút quân khỏi Miền Nam”.

Một khác, trong Đồng Nghị 8 Điều của Nixon ngày 8-5-1969 (một ngày trước khi Ho Chi Minh

của Bộ Chỉ huy), như đã được công bố trên các đài truyền hình quốc gia, lập trình không thay đổi của Hoa Kỳ là đòi có sự triệt thoái song phương của các quân lực Hoa Kỳ và quân lực Bộ Chỉ huy (a mutual withdrawal of American and North Vietnamese forces). Sau đó, ngày 16-7-1969, Nixon còn như Sainteny chuyển văn thư cho Hồ Chí Minh yêu cầu Bộ Chỉ huy chấp nhận giải pháp triệt thoái song phương để cuộc hòa đàm được tiếp diễn trôi chảy. Trong văn thư phúc đáp nhận được ngày 25-8-1969 (8 ngày trước khi tắt giải cõn), hai miền cùng lòng bác bỏ đề nghị của Nixon và như là đi ngược lại chủ trương của Hoa Kỳ phải rút quân khỏi Miền Nam và lật đổ Chính Phủ Nguyễn Văn Thiệu.

Tuy nhiên Bộ Chỉ huy không còn dám xóa định Hiệp Định Geneva 1954, chấp nhận rằng hai miền Nam, Bộ Chỉ huy và miền miền Nam thuộc. Và nghĩa vụ thiêng liêng của bất cứ con dân nào trên đất Việt là phải đi đấu tranh để đánh đuổi kẻ ngoại xâm ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. (Chúng ta cần nhận rõ rằng: Miền Miền Nam, không phải Hoa Kỳ, Bộ Chỉ huy mới chính là kẻ xâm lăng).

Như đã trình bày, sau vụ Mậu Thân, từ tháng 5-1968, trong cuộc hòa đàm tay đôi tại Paris chỉ có hai đại diện Hoa Kỳ và Bộ Chỉ huy tham dự là Harriman và Xuân Thủy. Sự việc này cho phép Bộ Chỉ huy tuyên truyền rằng Việt Nam Cộng Hòa chỉ là chế độ của Đế Quốc Mỹ.

Sự thất bại của quân đội đã chứng minh ngược lại. Kể từ tháng 4-1972, khi Bộ Chỉ huy huy động hơn 200 ngàn quân trong Chiến Dịch Tấn Công Xuân Hè hay Mùa Hè Đột Lúa (Easter Offensive), từ tháng 10-1972 khi Chiến Dịch tàn lụi, quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã đẩy lui 14 sư đoàn chính quy Bộ Chỉ huy, dù rằng lúc này quân lực Hoa Kỳ không còn tham chiến trên bộ nữa. Và sự thất bại của Bộ Chỉ huy đã vượt quá 100 ngàn. (In the Spring Offensive of 1972 South Vietnam's army had held off the North Vietnamese onslaught without the assistance of any American ground combat troops: Nixon, sách đã dẫn). Từ tháng 2-1968 (Tết Mậu Thân) đến tháng 10-1972 (sau Mùa Hè Đột Lúa), **"Bộ Chỉ huy đã thực sự thua trận, nhưng họ làm ra vẻ như thắng trận, trong khi Việt Nam Cộng Hòa đã thực sự thắng trận"**. (North Vietnam, which had in effect lost the war, was acting as if had won, while South Vietnam had effectively won the war: Nixon, sách đã dẫn).

Đến Mùa Giáng Sinh 1972, sau cuộc Tập Kích Chiến Lược 12 ngày đêm của Không Lực Hoa Kỳ tại Hà Nội, Hải Phòng và vùng phía bắc (từ 18-12 đến 30-12, trừ Ngày Giáng Sinh), Bộ Chỉ huy đã hoàn toàn kiệt quệ. Tại Hà Nội và các thành phố phía bắc như Hải Phòng, tin trong nước cho biết, nhà nào cũng may có truyền đơn hàng đơn giản sàng nghênh đón các chiến sĩ Miền Nam ra giải phóng Miền Bắc. Lúc này Lê Duẩn và Bộ Chính Trị Cộng Sản đã có kế hoạch rút ra khu. Theo các giải pháp của, nếu Hoa Kỳ tiếp tục dội bom thêm một vài tuần nữa, thì Bộ Chỉ huy phải chấp nhận bại. Trong điều kiện đó, Hiệp Định Hòa Bình của chính sự ghi khoản quân đội Bộ Chỉ huy phải triệt thoái khỏi Miền Nam. (Cũng như quân Bộ Chỉ huy rút về Miền Bắc sau Hiệp Định Bàn Môn Đàm tháng 7-1953). Thành quả trong cuộc tiếp kiến Chu Ân Lai hồi tháng 2-1972, Kissinger bác bỏ rằng Hoa Kỳ không chấp nhận đánh bại Bộ Chỉ huy. Chế độ của 3 điếu là

ng ng chi n, rút quân và trao đ i tù binh.

Vì vậy, mặt của Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa đã đánh bại Bộ chỉ huy tháng 4-1972 (Mùa Hè Đ L a) để n mùa Giáng Sinh tháng 12-1972 (T p Kích Chi n L c), chỉ 4 tu n sau, đang trên đà chi n thắng, không hi u t i sao Kissinger l i l t ng c th c đ cúi đ u b i th (ký t t) Hiệp Định Paris ngày 27-1-1973 và chấp nh n toàn b Kỳ Ho ch 10 Đ m của Bộ chỉ huy. Đây đúng là m t s đ u hàng ô nh c v chính tr và ngo i giao, nh t là khi Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa đang n m th th ng phong.

Chuy n th ng thành bại là bi t tài của Kissinger. Chính Nixon cũng ph i ng m ngùi than: “Chúng ta đã th ng trong chi n tranh nh ng l i thua trong hòa bình” (Nixon, sách đã đ n).

Th t ra, tr c khi thua trong hòa bình, M đã thua trong hòa đàm.

Ngày nay m i ng i ý th c r ng, trong cu c ti p ki n Chu Ân Lai t i Bộ chỉ huy tháng 2-1972, Kissinger th l r ng Hoa Kỳ không quan tâm đ n vi c đánh Bộ chỉ huy. Ông còn d ã tâm chấp nh n cho Cộng Sản thôn tính Miền Nam Việt Nam và Miền Lào b ng võ l c sau m t th i gian “h p lý” k t khi quân đ i Hoa Kỳ rút kh i Việt Nam. Ông chấp mu n ký m t Hiệp Định Hòa Bình t i Việt Nam để rút quân và xin l i tù binh. Còn s ph n của hàng ch c tri u ng i Đông D ng đ ng minh của Hoa Kỳ, ông không lý v n đ n! Sau khi ký t t Hiệp Định Paris tháng 1-1973, tr l i câu h i của Ehrlichman, Phó Tá N i V của Nixon, Kissinger c tính ch trong vòng 18 tháng Miền Nam Việt Nam s b Miền Bộ chỉ huy thôn tính. (John Ehrlichman: Witness to Power, the Nixon years). Ch c ông chấp a m ã nguy n vì m ã 27 tháng sau Saigon m i th t th .

Tháng 4-1975 sau khi m t Đà Nẵng, Tổng ng Weyand Tham M u Tr ng L c Quân Hoa Kỳ l p phúc trình đ ng Tổng Th ng Ford yêu c u Quốc Hội i vi n tr kh n chấp cho Việt Nam Cộng Hòa 700 tri u M kim đ k p th i tr đ ã quân Bộ chỉ huy xâm l ãng vì ph m nghiêm tr ng Hiệp Định Paris. V i s ngân kho n này Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa có th ph n công và oanh t c t ng s đ ãn chính quy Bộ chỉ huy xâm nh p Miền Nam b t h p pháp t các tr n chi n Ph c Long tháng 1, Ban Mê Thu t tháng 3, và Đà Nẵng tháng 4-1975. Tr c kia, cho đ n Chi n D ch Mùa Hè Đ L a tháng 4-1972, quân đ i Bộ chỉ huy không dám t p trung đ n chấp trung đ ãn vì s làm m i cho các phi đ i B52. Ngay c sau khi chi m qu n Kiên Đ c tháng 11-1973, 3 s đ ãn Bộ chỉ huy t i miền 3 Biên Gi i là các Công Tr ng 5-7-9 đã đ c l nh rút v Miền Lào không đ c ti n chi m t nh Qu ng Đ c. Lúc này Hoa Kỳ mu n nh ng Qu ng Đ c cho Gi i Phóng Miền Nam l p th đ o trong :Kỳ Ho ch 3 N c Việt”, dùng Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam làm qu c gia trái đ n trung l p gi a Bộ chỉ huy và Nam Việt.

Tuy nhiên C ng S n đã không ti n chi m Qu ng Đ c. Vì hai lý do:

1. Hà N i không cho phép M t Tr n Gi i Phóng l p th đ “quá sâu trong lòng đ ch”, “th đ” Đông Hà t i Vĩ Tuy n 17 d ki m soát h n.
2. Rút kinh nghi m Tri u Tiên, Hà N i s m c m u Hoa K nh trong nh ng phi v ph n kích các s đoàn B c Hàn và Trung Qu c xâm nh p Nam Hàn.

V i s ban hành Lu t v Quy n L c Chi n Tranh c a Qu c H i Hoa K tháng 10-1973, B c Vi t yên trí r ng t đó Hoa K s không tr đũa nh trong Chi n Đ ch Mùa Hè Đ L a t tháng 4-1972 t i Mi n Nam, hay trong cu c T p Kích Chi n L c tháng 12-1972 t i Mi n B c. Đ c bi t sau khi Nixon t ch c vào tháng 8-1974, t cu i năm 1974 quân đ i B c Vi t đã ngang nhiên t p trung đ n c p s đoàn. Do s khinh th này, Vi t Nam C ng Hòa và Hoa K r t có th l y l i th quân bình sau nh ng tr n oanh t c quy mô t i Quân Khu I và Tây Nguyên. Tuy nhiên Kissinger đã can gián T ng Th ng Ford r ng chi n đ ch t p kích s g p ph n kháng c a qu n chúng xu ng đ ng, và s gây h u qu b t l i cho cu c b u c t ng th ng năm 1976. Rút cu c đ n xin vi n tr kh n c p 700 tri u c a T ng Weyand đã b x p b . Lúc này Kissinger còn tr ng tr n nguy n r a đ ng minh: “Sao b n h không ch t s m đ i cho r i!. T h i nh t là b n h c s ng dai đ ng mãi!”. (The Palace File: Nguyen Tien Hung and Jerrold Schecter trích đ n Ron Nessen: It Sure Looks Different from the Inside).

Đây rõ r t là s v ng tính và b t công c a Hoa K . Tr c đó, ngày 6-10-1973, Hoa K đã tích c c y m tr Do Thái trong Tr n Chi n Yom Kipur. Theo Nixon, Do Thái có liên h m t thi t v i Hoa K đ u ch có 4 tri u dân Do Thái trong s 100 tri u dân t i Trung Đông. Do Thái cũng không có đ u khí mà cũng không có liên h đ ng minh v i Hoa K . Tuy nhiên v m t tinh th n, và đ b o v ch đ dân ch t i qu c gia này, Hoa K v n coi hành đ ng y m tr Do Thái có quan h “s ng còn t i quy n l i qu c gia”. (vital to our national interests). Do đó b t c v T ng Th ng Hoa K nào cũng s n sàng y m tr Do Thái khi n c này b t n công. Trong Tr n Chi n 3 tu n Yom Kipur gi a Do Thái và Ai C p tháng 10-1973, Hoa K đã vi n tr quân s cho Do Thái 2,2 t M kim. Lúc này, Liên Xô đ ngh Hoa K ng ng b n đ i s giám sát c a Liên Hi p Qu c và đe đ a s can thi p n u Do Thái t n công Syria. Kissinger l p t c ph n bác và c nh cáo r ng Hoa K s nh p cu c n u Liên Xô can thi p. Sau khi th t tr n T ng Th ng Ai C p than phi n r ng: “Chúng tôi không th cùng m t lúc ch ng l i c Do Thái l n Hoa K”. Sau Chi n Đ ch Yom Kipur, báo chí Hoa K tuyên đ ng Kissinger là “ng i hùng có phép l ” (superman/ miracleman).

V m t chi n l c, chính nghĩa, đ o lý và liên minh, Vi t Nam C ng Hòa có quan h m t thi t v i Hoa K t i Đông Nam Á h n là gi a Do Thái v i Hoa K t i Trung Đông. V y mà Chính Ph và Qu c H i Hoa K đã nh n tâm b r i Vi t Nam C ng Hòa sau 10 năm liên minh k t nghĩa,

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của người miền nam

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

với trên 20 triệu người đã đứng ra bảo vệ Tổ Do cho miền thủ giới này. Từ 1965, Hoa Kỳ đã xô nhân lực, vật lực vào chiến tranh Miền Nam, và gia tăng chiến tranh trên nửa triệu binh sĩ chiến đấu bên camp quân lực Việt Nam Cộng Hòa và đứng mình. Bộ tư lệnh nhà quan sát vô tư nào cũng ngạc nhiên khi thấy chỉ vì 700 triệu mà Hoa Kỳ tiến hành chiến tranh cho Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao cũng như bao nhiêu nước ở Á Phi và Nam Mỹ đã rơi vào vòng lũng thu của Quốc Tế Cộng Sản. Trong khi đó, với niên khóa 1974, Liên Xô đã tăng gấp đôi số viện trợ quân sự cho Bộ Tư Lệnh, với 1 tỷ 700 triệu Mỹ kim để phát triển Chiến Dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Trong khi đó sau Hiệp Định Paris, số quân viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa bởi Hoa Kỳ cắt giảm còn 1/4.

Thì Hiệp Định Paris 1973 số quân viện trợ cho Miền Nam là 2,2 tỷ Mỹ kim. Qua năm 1974 bị cắt giảm nửa (54%), còn 1.01 tỷ. Thì năm 1975 lại bị cắt phân nửa, chỉ còn 500 triệu (cộng với 200 triệu tính vào các số phí chuyên chở và các khoản linh tinh khác).

Trong bản điếu thư tháng 9-1974 trước Quốc Hội và dự án ngân sách 1975, cũng như trong bản thông tin trình gửi Bộ Tư Lệnh Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, Tư Lệnh John Murray, Tùy Viên Quốc Phòng Hoa Kỳ tại Saigon (DAO), đã đưa ra một công thức hay phương trình với số liên hệ giữa số quân viện trợ và chi phí quản lý lãnh thổ. Theo công thức này “nếu Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ thì Việt Nam Cộng Hòa mất lãnh thổ chi phí”. (You can roughly equate cuts in support to loss of real estate: Nixon, sách đã dẫn).

Theo công thức và phương trình này có 5 mức quân viện trợ liên hệ đến 5 tuyến phòng thủ lãnh thổ:

- 1) Nếu quân viện trợ còn ít hơn 1.4 tỷ Mỹ kim thì Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) còn giữ được những vùng đông dân cư trên toàn lãnh thổ.
 - 2) Nếu quân viện trợ chỉ còn 1.1 tỷ Mỹ kim thì VNCH không thể giữ được Vùng I Chiến Thuật.
 - 3) Nếu quân viện trợ giảm xuống còn 900 triệu thì không thể giữ được Vùng I và Vùng II.
 - 4) Nếu quân viện trợ chỉ còn 750 triệu thì chỉ có thể giữ được một số ít vùng, và Bộ Tư Lệnh sẽ không chịu được sự suy thoái nghiêm trọng.
 - 5) Mà nếu quân viện trợ chỉ còn 600 triệu thì VNCH chỉ có thể giữ được Saigon, phần lớn và vùng châu thổ sông Cửu Long.
- Như đã trình bày, Quốc Hội đã cắt giảm viện trợ cho Việt Nam từ trên 2 tỷ năm 1973 xuống còn 500 triệu năm 1975.

“Các dân biểu và nghị sĩ phần chiến đấu đã xóa tên Việt Nam Cộng Hòa trong danh sách các quốc

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của những năm

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

gia đình mình của Hoa Kỳ. Kể từ sau Hiệp Định Hòa Bình Paris 1973, chúng ta đã thắng trong chiến tranh. Quân lực VNCH đã thành công trong việc chiếm đóng những vị trí quan trọng của Bộ Chỉ huy trong suốt 2 năm. Lý do thất bại là vì Quốc Hội Hoa Kỳ đã khước từ không chấp thuận quân viện cho Saigon ngang với sự quân viện Liên Xô cấp cho Hà Nội. Tất cả các vị tướng lãnh chủ huy cao cấp Hoa Kỳ tại Việt Nam và Hoa Thịnh Đốn đều xác nhận việc quân lực VNCH đã chiếm giữ những vị trí quan trọng, họ có thể đẩy lui những sự đoàn chiến chiến thắng Bộ Chỉ huy xâm nhập vào Miền Nam...” (Nixon, sách đã dẫn)

Vị mặt ngoại giao, sau cuộc Tập Kích Chiến Lược Mùa Giáng Sinh 1972, Kissinger lên quan báo cáo rằng, sau những cuộc đàm phán với Lê Đức Thọ ngày 8-1-1973, Bộ Chỉ huy sẽ chấp nhận nới trong 48 giờ tất cả các điểm chốt trong Đường 9 Đếm của Nixon (trong đó có kho rút quân song phương).

Đây chính là báo cáo xuyên tạc. Vì trong Hiệp Định Paris ký 19 ngày sau (27-1-1973), không có điểm nào nói về việc Bộ Chỉ huy triệt thoái quân đội ra khỏi Miền Nam.

Sau này Kissinger thú nhận rằng chính có những “cam kết ngầm”. Trong những cuộc đàm phán, Bộ Chỉ huy hứa hẹn sẽ không mang quân vào Miền Nam và chấp thuận ghi kho này nới Điều 7 Hiệp Định Paris: “Tất cả ngày ngừng bắn cho đến khi thành lập chính phủ sau ngừng tụy nạn, hai bên Miền Nam Việt Nam sẽ không đưa quân đội vào Miền Nam Việt Nam quân đội, các vị trí quân sự và nhân viên quân sự, cũng như các vũ khí được đưa vào và đóng cửa chiến tranh...” Đây là lời hứa thực an toàn cho lòng tâm thanh thản của Hoa Kỳ rút khỏi vùng lầy mà họ đã lao vào từ 10 năm trước, nói là để ngăn chặn Thuyết Domino và xây dựng Việt Nam Cộng Hòa thành một tiến bộ của những người Đông Nam Á.

Như Nixon đã nói, Bộ Chỉ huy không bao giờ giữ lời cam kết. (Hanoi broke agreements as soon as it signed them: Nixon, sách đã dẫn). Ngay cả trong Tuyên Cáo về nền Trung Lập của Ai Lao tháng 7-1962, 14 quốc gia cam kết tôn trọng chủ quyền và nền trung lập của Ai Lao và hứa sẽ rút hết các lực lượng vũ trang ra khỏi Vùng Ngăn Quét Lào để đem lại hòa bình cho Đông Dương. Tất cả các quốc gia khác đều tuân thủ, ngoại trừ Bộ Chỉ huy. (All countries complied, except North Vietnam: Nixon, sách đã dẫn).

Tại Việt Nam, ngay cả Tổng Thống Nixon và người kế nhiệm ông là Tổng Thống Ford cũng không giữ lời cam kết.

Ngày 14-11-1972 Tổng Thống Nixon viết cho Tổng Thống Thiệu: “Điểm quan trọng hơn cả vẫn Hiệp Định là việc để chúng ta sẽ phải ngừng thủ tục tái xâm lược.”

Tôi xin cam kết rằng, nếu Bộ Chỉ huy không tuân theo những điều khoản của Hiệp Định, tôi có thể quyệt sự trả đũa tức thì và mãnh liệt”.

Mới chỉ ngày trước khi ký Hiệp Định, ngày 17-1-1973, Nixon còn khẳng định: “Tự Do và Độc Lập của Việt Nam Cộng Hòa là một mục tiêu tối thượng của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ ...

Tôi xin nêu những 3 điều cam kết sau đây:

1. Hoa Kỳ chấp nhận Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất tại Việt Nam;
2. Hoa Kỳ không chấp nhận cho Bộ Chỉ huy đưa quân trú quân trên lãnh thổ Miền Nam Việt Nam;
3. Hoa Kỳ sẽ trả đũa mãnh liệt khi Bộ Chỉ huy vi phạm Hiệp Định”.

Đó cũng là điều cam kết của Tổng Thống Ford. Sau khi Nixon từ chức, ngày 10-8-1974, với tư cách là người kế nhiệm, Tổng Thống Ford đã gửi văn thư cho Tổng Thống Thiệu xác định rằng: “Những cam kết mà dân tộc Hoa Kỳ đã hứa hẹn với VNCH trong thời gian vừa qua vẫn giữ nguyên giá trị. Và tôi sẽ triệt để tôn trọng những cam kết này trong suốt thời gian nhiệm vụ của tôi.”(Nguyễn Tiến Hùng và Jerrold L. Schecter soạn)

Với việc rút quân của Bộ Chỉ huy, Kissinger còn đòi gửi Nixon rằng không cần có những điều khoản minh bạch quy định trong Hiệp Định. Vì trong những cuộc đàm phán Bộ Chỉ huy đã miễn cưỡng chấp thuận đề nghị này của Nixon hồi tháng 5-1969. Họ hứa sẽ lập tức rút quân khỏi Miền Nam. (Our tactic was to write a formulation that tacitly required the enemy to withdraw. We will press for the de facto unilateral withdrawal of some North Vietnamese divisions in the northern part of South Vietnam. Nixon, sách đã dẫn).

Đây là một luận điệu vô nghĩa và lừa dối.

Là một chính trị gia và nhà ngoại giao sành sỏi, Kissinger thừa biết rằng, đối với những Cộng Sản, ngay cả sự cam kết công khai trong những hiệp ước quốc tế cũng chỉ là đối trá. Vì kết quả không phải để giải quyết, mà chỉ nhằm mục đích hi vọng những mục tiêu chính trị giai đoạn theo phương châm “cứu cánh bình minh cho phương trời”, bắt chấp lợi ích và bắt chấp danh dự quốc gia.

Hiệp Định Hòa Bình Paris đem đến hòa bình cho anh ng năm m

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ ng

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Ngoài ra Kissinger còn gì thích rợng, với Điều 7 Hiệp Định Hòa Bình Paris, quân đội Bắc Việt đến trú tại Miền Nam rồi đây sẽ tan rã vì không được tăng cường. Đó là điều phi lý. Vì sao quân đội Bắc Việt, đánh giặc theo kiểu nhà nghèo, rồi tan rã, trong khi quân đội Bắc Việt Nam Cộng Hòa, đánh giặc theo kiểu Mỹ, rồi không tan rã?

Cũng nên ghi nhận rằng Điều 7 cho phép hai bên không được đưa quân vào Miền Nam trong một thời gian nhất định “tới khi thực hiện ngừng bắn cho đến khi có Chính Phủ Liên Hiệp” thành lập sau ngừng tuyên chiến do Hiệp Định Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tiến 3 Thành Phần thực hiện. Điều này phải được hiểu là sau khi có Chính Phủ Liên Hiệp, không có điều kiện nào cho phép Bắc Việt không được đem quân vào Miền Nam. Loại tự nhiên Hoa Kỳ, như chim phải tên sẽ làm cây cong, sẽ cho ng bao giờ dám nghĩ đến, hay dám mở ra hi vọng mang quân vào Việt Nam một lần nữa.

Theo các nhà luật học và chính trị học, mọi sự kết thúc giữa các quốc gia, cũng như giữa các cá nhân, phải có tính công khai và minh bạch. Do đó không bao giờ có những cam kết ngầm hay được hiểu ngầm trong các hiệp ước quốc tế. Quy luật này cũng đúng với điều ước của Kissinger. Chẳng lẽ ông lại ngây ngô không biết điều đó? Xá chi “những mặt nạ” và “những cam kết ngầm” trong những cuộc đàm phán đôi, hay những buổi đi đêm ám muội giữa Kissinger và Thọ! Công bài trùng này đã là một đóng góp lớn cho việc giành giải Nobel 1974, một nền hòa bình cho anh ng năm m.

Từ tháng 10-1974, Bắc Việt đem đến quân tấn công và đã chiếm Phước Long tháng 1-1975 trước sự sụp đổ của Hoa Kỳ. Tháng 3, chiếm Ban Mê Thuột, tháng 4, chiếm Đà Nẵng, Xuân Lộc và Saigon. Trong khi đó, Hoa Kỳ vẫn án binh bất động. Và đã tàn nhẫn cúp hỗ trợ quân viện cho Việt Nam Cộng Hòa, kể cả những khiếm tốn của Tổng thống Weyand xin viện trợ khoản 700 triệu để phản kích Chiến Dịch Hồ Chí Minh. Vì vậy trong dịp này Hoa Kỳ trở đầu và Việt Nam Cộng Hòa phản kích thì phe đồng minh có cả hai tiêu diệt ngừng sự đoàn Bắc Việt xâm nhập Miền Nam bất chấp pháp theo vùng Phi Quân Sơn phía Bắc, và từ Miền Lào phía Tây trên đường mòn Hồ Chí Minh. Lúc này Bắc Việt đã đem thêm 25 sư đoàn chính quy vào chiếm đóng Miền Nam để tiếp sức cho hơn 100 ngàn quân có mặt tại chỗ.

Nói tóm lại, nếu Mùa Giáng Sinh 1972 Hoa Kỳ đã chiếm ngừng quân sự, thì chỉ một tháng sau, tháng 1-1973, Hoa Kỳ đã thất bại và chính trị. Chẳng vì mục đích Hiệp Định Hòa Bình Paris cho ngừng được có lý do rút lui trong danh dự và đưa hàng loạt sự. Hành vi này đã gieo tai họa vô tận cho các dân tộc Việt-Miền-Lào bước vào thế kỷ ng đợng đợng phải liên minh với Hoa Kỳ, một quốc gia được tin là hào hiệp đã đổ bao xương máu để giành lại Tự Do cho Âu Châu, Á Châu và Phi Châu từ thập niên 1940, và cho Đế quốc Hàn từ thập niên 1950.

Chúng ta hãy nghe tiếng kêu gọi thi t của Thủ Tướng ng Cao Miên Sirik Matak trong văn thư gửi Đế quốc Hoa Kỳ John Dean trước ngày Nam Vang thất thủ :

“Thưa ông Đại Sĩ và cũng là người bạn của tôi,
Xin chân thành cảm ơn văn thư của Ông để nghênh cho tôi quy chế tại nước tôi Hoa Kỳ và cho tôi
phân công nhiệm vụ di chuyển đến miền đất tự do. Nhưng than ôi, tôi không thể bỏ quê hương ra đi như
nhà nhai vậy!. Riêng tôi với Ông và quí gia hùng cường của Ông, không một phút nào tôi có
thể tin rằng Hoa Kỳ lại có ý nghĩ bỏ rơi những dân tộc đã quy thuận cho nước Tự Do. Các Ông đã
chính không bỏ rơi chúng tôi nữa, chúng tôi chính còn biết nói gì nữa.
Nay Ông ra đi và tôi xin chúc Ông và quê hương Ông tìm thấy hạnh phúc đời đời ở quê hương này.
Nhưng xin Ông ghi nhận rằng, nếu tôi có chết trên quê hương yêu dấu của tôi, thì đó cũng chính
là một bất hạnh. Dù sao mọi người trong chúng ta, ai đã sinh ra rồi cũng có ngày phải chết.
Có đi nữa là tôi đã sai lầm khi tin tưởng Ông và Quí Gia của Ông”.
Sisowath Sirik Matak (Nixon: sách đã dẫn).

Sirik Matak là một trong những người đầu tiên bỏ Khmer Đỏ hành quy thuận.

Trong thập niên 1960, Ai Lao và Cao Miên là những quốc gia trung lập nên không phải là đối tượng
minh của Hoa Kỳ. Trong khi đó, từ cuối thập niên 1940, 5 vị Tổng Thống Hoa Kỳ Truman,
Eisenhower, Kennedy, Johnson và Nixon đã long trọng cam kết sẽ bỏ rơi quy thuận quy thuận của
nhân dân Việt Nam và xây dựng Việt Nam thành một thị trường của Thế Giới Tự Do để ngăn chặn
Quốc Tế Cộng Sản xâm nhập Đông Nam Á. Nhưng vậy với các mối ngoi giao, chính nghĩa và tình
thần, Việt Nam có những quan liên kết mật thiết với Hoa Kỳ từ 3 thập niên.

Sự Phẫn của Ông Thiệu

Năm 1973, dưới áp lực của Kissinger và Nixon, ông Thiệu đã phải ký Hiệp Định Paris để chấp
nhận những nhượng bộ gây ra bởi văn Hiệp Định, cũng như bởi sự trí trá của phe Cộng Sản
và sự bệ hộ của Hoa Kỳ.

Chúng ta hãy nêu giả thuyết:

Trong trường hợp ông Thiệu sẵn sàng nhận cái chết như ông Sirik Matak, liệu ông có thể làm
điều gì khác?

Hiệp Định Hòa Bình Paris giữa hai miền hòa bình của miền nam

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Với tư cách nguyên thủ của mặt Quốc Gia có Hiệp Định Pháp và Quốc Hội, ông Thiệu có thể ra quyết định cho chính phủ của ông không ký hiệp định trong trường hợp Hoa Kỳ cho quân Bắc Việt tiếp tục ở lại miền nam và Miền Nam trái với lời cam kết minh thủ của Nixon từ năm 1969. Việc mặt hiệp định, hiệp định do Hành Pháp ký chỉ có hiệu lực nếu được Lập Pháp phê chuẩn. Mà Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa đưa ra tháng 1970 và tôn trọng Hiệp Định Pháp 1967 với chế độ trường tồn của Cộng Sản ra ngoài vòng pháp luật.

Trong trường hợp Trường Chinh Miền Việt Nam Cộng Hòa công bố lập trường không chấp nhận và không phê chuẩn bất cứ hiệp định nào với Bắc Việt nếu có mặt trong ba số việc sau đây:

1. Có sự tham gia của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, mặt trận chính quyền địa phương và Cộng Sản, để đi đến việc cải gọi là Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời. Chính phủ này được Bắc Việt khai sinh từ tháng 6-1969 vì nhu cầu chính trị giai đoạn. Nó bắt đầu tháng 11-1975 cùng với "Nước" Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Cũng trong thời gian này Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam đã bắt đầu và sát nhập vào mặt trận chính quyền địa phương khác của Cộng Sản là Mặt Trận Tổ Quốc.

2. Trong Hiệp Định không có điều khoản ghi việc quân đội Bắc Việt phải triệt thoái khỏi Miền Nam Việt Nam đồng thời với quân lực Hoa Kỳ và đồng minh.

3. Hoa Kỳ sẽ vĩnh viễn giải quyết Việt Nam và không còn chịu trách nhiệm thi hành Hiệp Định.

Nếu có mặt trong ba trường hợp này Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa sẽ khước từ không ký Hiệp Định. Lý do là vì không có sự chấp nhận và phê chuẩn của Quốc Hội, đặc biệt là Trường Chinh Miền.

Phản ứng của Hoa Kỳ

Trong trường hợp này phản ứng của Hoa Kỳ sẽ ra sao?

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của nhân dân

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ

Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

Theo giới hạn hiểu, nhiều phần người Mỹ sẽ không hỏi sát ông Thiệu năm 1973 như họ đã hỏi sát ông Diệm năm 1963. Trong một thập niên, Hoa Kỳ không dám sát hại hai vị nguyên thủ của một quốc gia đang minh đã đang tâm hiệp lập với Hoa Kỳ đang ra làm tiền đôn công Công đồng báo với TĐ Do cho các quốc gia Đông Nam Á dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ qua Khế ước Liên Minh Phòng Thủ Đông Nam Á.

Vì một kế hoạch pháp lý, nếu không có sự tham dự của Việt Nam Cộng Hòa thì Hiệp Định Paris sẽ không có đời sống. Vì Việt Nam Cộng Hòa là quốc gia chủ thể, lãnh thổ Miền Nam Việt Nam là bãi chiến trường, và có 8 quốc gia đã tham gia Chiến Tranh Việt Nam trong 8 năm, thời gian dài nhất trong lịch sử chiến tranh Hoa Kỳ.

Trong trường hợp Hoa Kỳ và Bắc Việt vẫn nhất định ký Hiệp Định Chấm Dứt Chiến Tranh tại Việt Nam, thì trong 8 Chiến trường của Hiệp Định, chỉ có 3 Chiến trường có thể được gọi là Chiến trường II (vũ Ngục Ngạn và Rút Quân), Chiến trường III (vũ Phóng Thích Từ Binh), và Chiến trường VIII (vũ Trao Từ Binh) dưới danh nghĩa bãi chiến trường và tái thiết hậu chiến).

5 Chiến trường khác sẽ không có đời sống. Như Chiến trường I (vũ trường quan giữa hai miền Nam Bắc), Chiến trường IV (vũ giới pháp chính trị cho Miền Nam Việt Nam), Chiến trường V (vũ vấn đề thống nhất hai miền Nam Bắc), Chiến trường VI (vũ các cơ quan kiểm soát và giám sát quốc tế), và Chiến trường VII (vũ chính sách đời sống của Miền Nam Việt Nam với Miền Lào).

Chỉ với 3 Chiến trường nói trên, một hiệp định chấm dứt chiến tranh giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt sẽ không thể được chấp nhận như ngừng vũ lực quân sự và chính trị tại Miền Nam Việt Nam. Như vậy Hiệp Định Paris sẽ tan vỡ. Và sẽ không có một Hiệp Định Chấm Dứt Chiến Tranh và Tái Lập Hòa Bình tại Việt Nam được ký tại Paris năm 1973.

Tổng kết lại, trong trường hợp Việt Nam Cộng Hòa không ký Hiệp Định Paris 1973 thì việc gì sẽ xảy ra, và Hoa Kỳ sẽ phần nào ra sao?

1. Rốt cuộc thế, do áp lực quốc tế, cũng như vì quy định riêng rẽ, Hoa Kỳ sẽ ký hiệp định tay đôi với ngừng bắn, rút quân và trao trả tù binh với Bắc Việt. Và để trả đũa Hoa Kỳ sẽ cắt hỗ trợ vũ khí quân sự cho Việt Nam Cộng Hòa, để tạo cơ hội cho Công Sản thôn tính Miền Nam bằng vũ lực. Trường hợp dẫu quốc tế và quốc nội, cũng như với một ngoại giao, chính nghĩa và lòng tin, liệu Hoa Kỳ có dám nhún tâm làm điều đó không?

Câu trả lời hợp lý là “không”.

Vì hành động này thực sự là phản bội động minh và đưa hàng nhân dân. Chúng khác nào năm đưa thập niên 1940, Roosevelt ký với Đức Quốc Xã hiệp ước bất xâm để trao Tây Âu cho Hitler; hay cuối thập niên 1940, Truman ngừng chiến đấu với hàng không cho Tây Bá Linh để trao thủ lĩnh này cho Honecker; hay đưa thập niên 1950, Eisenhower ký hiệp ước với Bắc Hàn để rút quân và trao Nam Hàn cho Kim Nhật Thành.

Nhưng với phản bội và đưa hàng nhân dân này năm có, chúng những tác hại đến Anh Quốc, Tây Đức và Đức Hàn, mà còn gây thảm họa cho toàn cõi Âu Châu, từ Tây Âu sang Đông Âu, cũng như cho toàn cõi Á Châu, từ Đông Bắc Á qua Đông Nam Á. Do hậu quả dây chuyền của Thuyết Domino.

2. Đưa sao, nhiều phản là, muốn rút quân và giải thể, Hoa Kỳ vẫn cần phải có sự tham gia Việt Nam Cộng Hòa trong Hội Nghị. Muốn thế Hoa Kỳ sẽ tìm cách lật đổ ông Thiệu theo kế hoạch “thay đổi nhân sự” từng bước áp dụng từ Việt Nam năm 1963. Trong trường hợp này, cũng như 10 năm trước, rất có thể ông Dương Văn Minh sẽ là người chỉ huy. Và ông này sẽ tuân lệnh Hoa Kỳ (và Bắc Việt) để thành lập một Chính Phủ Liên Hiệp 3 Thành Phần do Cộng Sản khống chế. Kết quả là phe Cộng Hòa chỉ còn 1/3 chức quyền, 1/3 chính quyền, 1/3 lãnh thổ và 1/3 lực lượng tại Miền Nam. Nghĩa là trong toàn cõi Việt Nam, phe Cộng Sản chiếm tuyệt đối đa số 5/6. Trong điều kiện đó Bắc Việt sẽ dễ dàng thôn tính Miền Nam bằng phương pháp hòa bình, không phải dùng đến bạo động vũ trang.

Trong trường hợp này, đổi với Hoa Kỳ, hành động bán đứng Miền Nam cũng là phản bội động minh và đưa hàng nhân dân. Việc này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Hoa Kỳ và từng bước lại đưa đến sự sụp đổ, đặc biệt trong cuộc tẩy chay từng phần năm 1974 và cuộc tẩy chay toàn bộ từ tháng năm 1976.

Và, mặt khác, vấn đề đặt ra là, với một ngoại giao, liên minh, chính nghĩa và đạo lý, liệu Hoa Kỳ có dám nhìn tâm làm điều đó không?

Câu trả lời hợp lý cũng vẫn là “không”.

Rút kinh nghiệm từ “thay đổi nhân sự” năm 1963 tại Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ rút ngắn ngoi khi phải can thiệp vào nội bộ của một quốc gia động minh trong Thế Giới Dân Chủ.

Tr c kia, trong cu c ti p ki n Chu Ân Lai t i B c Kinh ngày 9-7-1971, chính Kissinger cũng ph i minh đ nh: “L p tr ng c a Hoa K là không nh t thi t duy trì m t chính ph đ c bi t nào t i Mi n Nam Vi t Nam (nh Chính Ph Vi t Nam Công Hòa). Tuy nhiên, Hoa K không th tham đ vào vi c l t đ nh ng ng i tr c đây đã là đ ng minh c a Hoa K , b t k ngu n g c đ ng minh đó là gì” : (Jeffrey Kimball, sách đã đ n).

Trong th ngày 31-8-1972 chính Nixon cũng xác nh n đ u này v i ông Thi u : “Tôi xin m t l n n a đoan ch c v i Ng ài v l p tr ng căn b n c a Hoa K : Nhân dân Hoa K ý th c r ng chúng tôi không th mang l i hòa bình và danh đ cho qu c gia, n u ph i b r i m t đ ng minh đ ng c m (nh VNCH). Đ u này tôi không th làm và s không bao gi làm.”

Tuy nhiên 5 tu n sau, ngày 6-10-1972, Nixon l i nh c khéo v v “thay đ i nhân s năm 1963” khi đ c p đ n v T ng Th ng Johnson mu n l t đ ông Thi u năm 1968 (h i đó Chính Ph Saigon không ch u tham đ H i Ngh Paris). Nixon vi t: “Xin Ng ài hãy dùng m i ph ng cách đ tránh tái đ n bi n c 1963 mà chính tôi đã ghê t m và đã lên án t năm 1968”.

Đ u sao chính Kissinger cũng không dám ch tr ng sát h i ông Thi u. Ngay t 1968 ông ta đã c nh giác: “N u ông Thi u ch u s ph n c a ông Di m, thì t t c các dân t c trên th gi i s ý th c r ng: Làm k thù c a M có th g p nguy hi m, nh ng làm b n v i Hoa K nhi u ph n s m t m ng.” (Nguy n Ti n H ng và Jerrold L. Schecter, sách đã đ n)

Kinh nghi m Sirik Matack đã ch ng minh đ u đó.

Và vi c này đi trái Chính Nghĩa, Đ o Lý, L ng Tâm, Quy n L i Qu c Gia và Truy n Th ng Dân Ch c a Hoa K t khi l p qu c.

Có đ u là, trong l ch s nhân lo i c kim, ch a t ng th y m t đ qu c nào dám ra tay h sát hai v nguyên th c a m t qu c gia đ ng minh trong vòng m t th p k .

Và cũng ch a t ng th y m t viên t ng lãnh nào, trong vòng 10 năm, l i có c h i và ác tâm sát h i hai v t ng th ng kiêm t ng t l nh quân đ i mà ông ta có nghĩa v ph i ph c v và b o v .

Đ u sao s nh n tâm và ph n tr c c a ông t ng này, n u có, cũng ch là h u qu c a s

Hiệp Định Hòa Bình Paris đối với hòa bình của nhân dân miền

Tác Giả: LS. Nguyễn Hữu Thọ
Thứ Ba, 01 Tháng 6 Năm 2010 15:21

nhân tâm và phần trọng của ông Cố Vấn Kissinger. Ngay từ tháng 7-1971, 18 tháng trước khi ký Hiệp Định Paris, ông Cố Vấn đã tiết lộ cho phe Cộng Sản biết chủ trương của Hoa Kỳ là sẽ rút quân toàn diện và vĩnh viễn ra khỏi Việt Nam mà không đòi điều kiện nào nếu được trao trả tù binh. Đó là hành vi nể nhượng cho giặc, bắt đèn xanh cho Cộng Sản xâm chiếm Miền Nam bằng bạo lực. Và, sau khi ký kết Hiệp Định Paris tháng 1-1973, Kissinger cũng có tính (và mong mỏi) rằng Việt Nam Cộng Hòa sẽ cáo chung sau 18 tháng.

10 năm sau khi Saigon thất thủ, bằng phần tin cậy và tin phán, năm 1985, Nixon đã lên án việc Hoa Kỳ bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa năm 1975 là một “sự phản bội và thất bại không thể nào khoan nhượng trong Lịch Sử Hoa Kỳ!”.

Thật vậy, khi Hoa Kỳ nhân tâm rũ áo ra đi để mặc cho phe Quốc Tế Cộng Sản thôn tính Miền Nam bằng vũ lực, thì bao nhiêu công lao, danh dự và uy tín quốc gia, xây dựng từ Thủ Chiếu I đến Thủ Chiếu II và Chiếu Tranh Triếu Tiên, sẽ phút chốc tiêu tan, đem lại sự bất bình và chèn ép của nhân loại vẫn minh. Hơn nữa, đây thực sự là sự bành trướng thế lực vượt trội của phe Quốc Tế Cộng Sản tại Á Châu, Phi Châu và Châu Mỹ La Tinh.

Thêm vào đó các đồng minh cũ của Hoa Kỳ cũng sẽ rút ngắn ngày khi phe liên minh với Hoa Kỳ thất bại. Và Khi các Quốc Gia Phi Liên Kết sẽ phát triển mạnh mẽ khắp nơi trên thế giới.

Ngoài ra, sự hoài nghi của các dân tộc trên thế giới về Quyết Tâm và Lý Tưởng Tự Do của Hoa Kỳ sẽ có tác động xấu trong cuộc đấu tranh giải phóng Việt Nam Cộng Sản tại Đông Âu và Liên Xô.

Do đó, cho đến nay không ai dám quyết đoán về việc Hoa Kỳ có theo chủ nghĩa thực dụng đến nhân tâm làm việc đó không?

Có điều là, nếu quần dân mất lòng, và nếu về nguyên nhân quốc gia có tinh thần vô úy, “coi trọng thân nhân hơn mạng sống”, không chịu lùi bước trước cái chết, thì uy tín của Việt Nam Cộng Hòa sẽ được bảo toàn, danh dự của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sẽ được gìn giữ. Và về nguyên nhân quốc gia sẽ có cơ hội đi vào lịch sử như Nguyễn Thái Học và Hoàng Diêu trong hai thế kỷ vừa qua.

Mà, nếu biết về những điều này, biết đâu Việt Nam Cộng Hòa lại chẳng có cơ may bảo vệ chủ quyền lãnh thổ bằng phần tin cậy hay toàn vẹn?

